

Số: /QĐ-UBND-HC Đồng Tháp, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện và trình tự, thủ tục triển khai dự án đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước của nhà đầu tư thực hiện ngoài các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự ngày 11/01/2022;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 15/7/2020;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của UBND tỉnh Đồng Tháp ban hành quy định phân công, phân cấp và ủy quyền trong việc thực hiện một số nhiệm vụ quản lý dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 10/3/2022 của UBND tỉnh Đồng Tháp quy định cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 521/SKHĐT-HTĐT ngày 03/3/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện và trình tự, thủ tục triển khai dự án đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước của nhà đầu tư thực hiện ngoài các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Văn phòng UBND Tỉnh, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục Thuế Tỉnh; Cục Hải quan Tỉnh; Bộ Chỉ huy quân sự Tỉnh; Công an Tỉnh (Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ); Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp; UBND huyện, thành phố; Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công Tỉnh và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quy chế này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1301/QĐ-UBND-HC ngày 08/11/2016 của UBND Tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND Tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban ngành Tỉnh và Chủ tịch UBND huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT/TU, TT/HĐND Tỉnh;
- CT và các PCT/UBND Tỉnh;
- Lưu: VT, NC/KT (mqv).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Huỳnh Minh Tuấn

QUY CHẾ

Phối hợp thực hiện và trình tự, thủ tục triển khai dự án đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước của nhà đầu tư thực hiện ngoài các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 389/QĐ-UBND-HC ngày 03 / 4 /2023 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc phối hợp giữa các ngành liên quan và trình tự, thủ tục thực hiện dự án đầu tư có xây dựng công trình ngoài các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đầu tư năm 2020, các quy định pháp luật khác có liên quan và thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh Đồng Tháp (gọi tắt là UBND Tỉnh).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan đến việc quản lý các hoạt động đầu tư, xây dựng triển khai thực hiện các dự án đầu tư, kinh doanh ở ngoài các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh ngoài các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

- Nội dung phối hợp thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mỗi cơ quan, cấp chính quyền địa phương; đảm bảo sự phối hợp đồng bộ, không trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan; đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ.
- Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, phù hợp với chủ trương của Nhà nước về cải cách thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021-2030.
- Công khai, minh bạch các thủ tục hành chính về triển khai dự án đầu tư của các nhà đầu tư sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách Nhà nước.
- Trung tâm Kiểm soát thủ tục hành chính và Phục vụ hành chính công tỉnh Đồng Tháp (gọi tắt là Trung tâm KSTTHC&PVHCC) là đơn vị đầu mối tiếp xúc với nhà đầu tư từ khâu hướng dẫn thủ tục, tiếp nhận hồ sơ đến khi trả kết quả. Ngoài hồ sơ quy định tại Quy chế này, nhà đầu tư không phải nộp thêm bất kỳ một loại tài liệu nào khác. Trung tâm KSTTHC&PVHCC chủ động phối hợp với các Sở, ban ngành Tỉnh và UBND huyện, thành phố (gọi tắt là UBND cấp huyện) giải quyết theo thẩm quyền.

5. Trường hợp nhà đầu tư nộp trực tiếp hồ sơ cho các đơn vị khác ngoài Trung tâm KSTTHC&PVHCC, các cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xử lý tuân thủ theo đúng thời gian quy định của Quy chế này.

6. Cơ quan chủ trì thủ tục phải chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan khác để giải quyết trong thời hạn quy định. Trường hợp cần bổ sung hồ sơ phải liệt kê cụ thể từng loại hồ sơ còn thiếu và thông báo cho nhà đầu tư kịp thời hoàn chỉnh.

7. Tạo điều kiện thuận lợi, giải quyết nhanh chóng các thủ tục hành chính về triển khai dự án đầu tư, nhằm giảm thời gian chờ đợi của nhà đầu tư.

8. Việc triển khai dự án đầu tư phải tuân thủ yêu cầu của Nhà nước về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm an ninh, quốc phòng theo quy định tại Điều 15 Luật Quốc phòng năm 2018, các quy định về bảo vệ công trình quốc phòng, quản lý điểm cao và phòng thủ khu vực tỉnh; bảo vệ đê điều theo quy định tại Điều 7 Luật Đê điều năm 2020; bảo vệ môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các quy định của pháp luật có liên quan.

9. Việc triển khai dự án đầu tư đảm bảo các quy định về hành lang an toàn giao thông đường bộ, an toàn lưới điện; trong trường hợp thuộc các công trình thiết yếu được quy định tại Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015, Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017, Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 và Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Quyết định số 30/2012/QĐ-UBND ngày 20/8/2012 của UBND tỉnh Đồng Tháp, khi xây dựng trong phạm vi đất dành cho đường bộ, tổ chức hoặc cá nhân có liên quan phải tuân thủ các yêu cầu quy định của các Thông tư, Quyết định này.

10. Đối với dự án đầu tư mà nhà đầu tư có nhu cầu giới thiệu địa điểm, khảo sát địa điểm, cung cấp thông tin về quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển ngành, quy hoạch xây dựng; UBND Tỉnh giao các Sở, ban ngành Tỉnh và UBND cấp huyện hỗ trợ, cung cấp thông tin cho nhà đầu tư.

Chương II

TRÌNH TỰ THỰC HIỆN, HỒ SƠ VÀ THỜI GIAN GIẢI QUYẾT CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Điều 4. Trình tự thực hiện thủ tục hành chính đối với dự án đầu tư

Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư ngoài các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo trình tự, thủ tục như sau:

1. Bước 1. **Chấp thuận chủ trương đầu tư; chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; chấp thuận nhà đầu tư; cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có).**

2. Bước 2. **Lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng.**

3. Bước 3. Các thủ tục về đất đai (*giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*) và bảo vệ môi trường.

4. Bước 4. Thẩm duyệt thiết kế về Phòng cháy chữa cháy.

5. Bước 5. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (*nếu có*).

6. Bước 6. Cấp Giấy phép xây dựng (*trừ trường hợp miễn giấy phép xây dựng*).

7. Các thủ tục không nêu trong Quy chế này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Trình tự thực hiện bước 1: Chấp thuận chủ trương đầu tư; chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; chấp thuận nhà đầu tư; cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)

(Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì và chịu trách nhiệm phối hợp các đơn vị liên quan thẩm định các nội dung chấp thuận chủ trương đầu tư; chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; chấp thuận nhà đầu tư; cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).

1. Chấp thuận chủ trương đầu tư; chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư

a) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục

Dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND Tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư năm 2020; khoản 2 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự.

Hồ sơ thủ tục phải đáp ứng theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

Lưu ý: *Trường hợp tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: trước khi thực hiện thủ tục đề xuất chủ trương đầu tư dự án, Nhà đầu tư liên hệ Trung tâm KSTTHC&PVHCC (Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường) để thực hiện các thủ tục hành chính theo quy định tại Quyết định số 1859/QĐ-UBND-HC ngày 07/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Tháp.*

b) Thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết

- Thành phần hồ sơ: 04 bộ (02 bộ gốc, 02 bộ photo), mỗi bộ hồ sơ theo quy định tại *Phụ lục I* đính kèm.

- Thời hạn giải quyết: trong thời hạn **16 ngày** làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, bao gồm:

+ Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Trung tâm KSTTHC&PVHCC (Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư) hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ <https://dichvucong.dongthap.gov.vn>. Hồ sơ được chuyển đến Sở Kế hoạch và Đầu tư không quá 01 ngày làm việc.

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan Nhà nước có liên quan.

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến thẩm định dự án những nội dung thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của mình và gửi ý kiến cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp. Trường hợp, hết thời hạn trên mà Sở Kế hoạch và Đầu tư chưa nhận được văn bản của các cơ quan được lấy ý kiến thì xem như cơ quan đó thống nhất theo nội dung đề xuất của nhà đầu tư và chịu trách nhiệm trong phạm vi quản lý Nhà nước của mình.

+ Căn cứ hồ sơ đề xuất của nhà đầu tư và ý kiến thẩm định của các Sở, ngành và địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm định, trình UBND Tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư trong thời hạn 02 ngày làm việc.

+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ và báo cáo thẩm định dự án đầu tư của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Văn phòng UBND Tỉnh trình UBND Tỉnh xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư trong thời hạn 02 ngày làm việc; trường hợp không chấp thuận, Văn phòng UBND Tỉnh sẽ thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư và nêu rõ lý do.

***Lưu ý:** Trường hợp, dự án đề xuất mang tính chất quan trọng hoặc nhạy cảm về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và các dự án, công trình có ảnh hưởng lớn đến môi trường, nhóm A, nhóm B; dự án đầu tư có nhu cầu sử dụng đất từ 05 ha trở lên cần xin ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy (theo Quy chế làm việc của Tỉnh ủy) thì Văn phòng UBND Tỉnh có văn bản thông báo cho nhà đầu tư biết.*

c) Nội dung thẩm định: theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 33 Luật Đầu tư năm 2020; khoản 6, khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

d) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư của UBND Tỉnh hoặc văn bản chỉ đạo của UBND Tỉnh, trả lời nhà đầu tư (nêu rõ lý do).

Lưu ý:

- Đối với dự án đầu tư thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư quy định tại Điều 32 Luật Đầu tư năm 2020, cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư và quyết định hình thức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

- Trong trường hợp cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư quyết định hình thức lựa chọn nhà đầu tư là đấu giá quyền sử dụng đất thì cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư giao cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai, để lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án.

- Trong trường hợp cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư quyết định hình thức lựa chọn nhà đầu tư là đấu thầu thì cơ quan chấp thuận chủ trương

đầu tư giao cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời là Quyết định phê duyệt Danh mục dự án đầu tư; thực hiện các trình tự thủ tục tiếp theo theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Nhà đầu tư trúng đấu giá, trúng thầu thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai, đấu thầu và triển khai thực hiện dự án đầu tư theo quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá hoặc Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

- Đối với dự án đầu tư thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ được xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư.

d) Trường hợp dự án đầu tư quy định tại các điểm d và điểm đ khoản 5 Điều 29 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ mà có từ hai nhà đầu tư trở lên cùng nộp hồ sơ hợp lệ, đề nghị thực hiện dự án đầu tư tại một địa điểm; trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của nhà đầu tư đầu tiên (đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND Tỉnh) thì trình tự thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 29 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

2. Chấp thuận nhà đầu tư

a) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục

Nhà đầu tư duy nhất đã đăng ký tham gia đấu giá hoặc nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư sau khi tổ chức đấu giá ít nhất 02 lần nhưng không thành (theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 29 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ) hoặc đã đăng tải Danh mục dự án theo quy định của pháp luật về đấu thầu nhưng chỉ có một nhà đầu tư đăng ký và đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm hoặc nhiều nhà đầu tư đăng ký nhưng chỉ có một nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm theo quy định của pháp luật về đấu thầu (theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 29 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ).

Hồ sơ thủ tục đáp ứng theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

b) Thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết

- Thành phần hồ sơ: 04 bộ (02 bộ gốc, 02 bộ photo), mỗi bộ hồ sơ theo quy định tại *Phụ lục I đính kèm*.

- Thời hạn giải quyết: trong thời hạn **16 ngày** làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (*trình tự thực hiện tương tự điểm b khoản 1 Điều 5 Quy chế này*).

c) Nội dung thẩm định: theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

d) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định chấp thuận nhà đầu tư hoặc văn bản trả lời nhà đầu tư (nêu rõ lý do).

3. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư

Đối với dự án quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Đầu tư năm 2020, trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND Tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư.

Đối với dự án quy định tại Điều 32 Luật Đầu tư năm 2020, nhà đầu tư trong nước, tổ chức kinh tế quy định tại khoản 2 Điều 23 Luật Đầu tư năm 2020, nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án sau khi được chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND Tỉnh (*không yêu cầu phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư*).

4. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư

a) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục

Dự án quy định tại khoản 2 Điều 38 Luật Đầu tư năm 2020; khoản 3 Điều 36 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

Hồ sơ thủ tục đáp ứng theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 36 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ.

b) Thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết

- Thành phần hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gốc theo *Phụ lục I đính kèm*.
- Thời hạn giải quyết: trong thời hạn **10 ngày** làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, bao gồm:

+ Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Trung tâm KSTTHC&PVHCC (Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư) hoặc nộp trực tuyến tại địa chỉ <https://dichvucong.dongthap.gov.vn>. Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi lấy ý kiến thẩm định của cơ quan nhà nước có liên quan trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ dự án đầu tư, cơ quan được lấy ý kiến có ý kiến thẩm định những nội dung thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của mình và gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp. Trường hợp, hết thời hạn trên mà Sở Kế hoạch và Đầu tư chưa nhận được văn bản thẩm định của các cơ quan được lấy ý kiến thì xem như thống nhất theo nội dung đề xuất của nhà đầu tư và chịu trách nhiệm trong phạm vi quản lý Nhà nước của mình.

+ Căn cứ hồ sơ đề xuất của nhà đầu tư và ý kiến thẩm định của các Sở, ngành và địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 02 ngày làm việc; trường hợp không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư phải thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư.

c) Nội dung thẩm định: theo quy định tại Điều 36 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

d) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản trả lời cho nhà đầu tư (nêu rõ lý do).

5. Trách nhiệm của các đơn vị trong thẩm định dự án đầu tư

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chịu trách nhiệm chung về thẩm định dự án đầu tư.

Chủ trì phối hợp các ngành liên quan thực hiện thẩm định các dự án đầu tư theo quy định tại Điều này, trên cơ sở hồ sơ đề xuất của nhà đầu tư và ý kiến thẩm định của các Sở, ban ngành Tỉnh và UBND cấp huyện.

b) Sở Xây dựng

Chịu trách nhiệm thẩm định dự án đầu tư đối với phạm vi quản lý Nhà nước về sự phù hợp với quy hoạch xây dựng; quy hoạch cấp nước sạch đô thị; điều kiện thực hiện dự án kinh doanh bất động sản; suất đầu tư xây dựng và một số nhiệm vụ khác theo quy định chức năng, nhiệm vụ của mình.

Đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với mục tiêu, định hướng phát triển đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở; sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư bảo đảm yêu cầu đồng bộ; sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở và việc dành quỹ đất phát triển nhà ở xã hội; sơ bộ phương án đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng đô thị trong và ngoài phạm vi dự án đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường

Chịu trách nhiệm thẩm định dự án đầu tư đối với phạm vi quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường như: sự phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương; sự phù hợp quy hoạch đối với các dự án khai thác tài nguyên khoáng sản (cát, sét,...); giao đất, cho thuê đất, hình thức sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất; điều kiện bảo vệ môi trường của dự án theo quy định của pháp luật về môi trường; xác định hình thức lựa chọn nhà đầu tư và ưu đãi về đất đai; xác định phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng và một số nhiệm vụ khác theo quy định chức năng, nhiệm vụ của mình.

Phối hợp chặt chẽ, cung cấp thông tin khu đất đề xuất thực hiện dự án và có ý kiến trong quá trình thẩm định chủ trương đầu tư đối với dự án kinh doanh bất động sản có vốn đầu tư nước ngoài.

d) Sở Tài chính

Chịu trách nhiệm thẩm định dự án đầu tư liên quan năng lực tài chính của nhà đầu tư; việc sử dụng, xử lý tài sản theo pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng; mức hỗ trợ và nguồn vốn hỗ trợ, các chính sách ưu đãi tài chính đối với dự án (nếu có); và một số nhiệm vụ khác theo quy định chức năng, nhiệm vụ của ngành.

đ) UBND cấp huyện

Chịu trách nhiệm thẩm định dự án đầu tư đối với phạm vi quản lý Nhà nước tại địa phương như: sự phù hợp quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, kế hoạch sử dụng đất của địa phương; giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; xác định hình thức lựa chọn nhà đầu tư; sự cần thiết kêu gọi đầu tư và hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đầu tư; điều kiện bảo

vệ môi trường của dự án theo quy định của pháp luật về môi trường và một số nhiệm vụ khác theo quy định chức năng, nhiệm vụ của mình.

Đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với mục tiêu, định hướng phát triển đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở; sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư bảo đảm yêu cầu đồng bộ; sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở và việc dành quỹ đất phát triển nhà ở xã hội; sơ bộ phương án đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng đô thị trong và ngoài phạm vi dự án đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị.

Báo cáo chi tiết hiện trạng tình hình sử dụng khu đất và tài sản gắn liền trên đất; phương án bồi thường giải phóng mặt bằng (nếu có).

e) Cục Thuế Tỉnh

Chịu trách nhiệm thẩm định, có ý kiến về ưu đãi đầu tư cho nhà đầu tư như: thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền thuê đất; cơ sở pháp lý; điều kiện hưởng ưu đãi và một số nhiệm vụ khác theo quy định chức năng, nhiệm vụ của ngành.

g) Cục Hải quan Tỉnh

Chịu trách nhiệm thẩm định, có ý kiến về ưu đãi đầu tư cho nhà đầu tư như: ưu đãi thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định phục vụ sản xuất của dự án đầu tư; điều kiện hưởng ưu đãi; cơ sở pháp lý và các nội dung khác theo quy định chức năng, nhiệm vụ của ngành.

h) Các cơ quan quản lý chuyên ngành

Chịu trách nhiệm thẩm định dự án đầu tư, có ý kiến về các nội dung thuộc phạm vi quản lý của ngành mình.

Lưu ý: Trường hợp không thống nhất với nội dung đề xuất của nhà đầu tư theo lĩnh vực, ngành mình phụ trách, đơn vị liên quan nêu rõ lý do để Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo, đề xuất UBND Tỉnh.

Điều 6. Trình tự thực hiện bước 2: Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng dự án

(Sở Xây dựng/ UBND cấp huyện chủ trì, chịu trách nhiệm thực hiện thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng dự án).

1. Nguyên tắc lập quy hoạch và thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết: theo quy định tại *Phụ lục II đính kèm*.

2. Trình tự phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết

a) Thành phần hồ sơ: 01 tập văn bản có liên quan và 07 tập thuyết minh, bản vẽ kèm theo nhiệm vụ quy hoạch theo quy định tại *Phụ lục II đính kèm*.

b) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt: UBND Tỉnh hoặc UBND cấp huyện.
- Cơ quan quản lý quy hoạch thẩm định hồ sơ: Sở Xây dựng hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng các huyện; Phòng Quản lý đô thị các thành phố.

c) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt.

d) Phí, lệ phí: theo quy định hiện hành.

đ) Trình tự thực hiện: thời gian giải quyết trong thời hạn **11 ngày** làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Đơn vị tiếp nhận hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch chi tiết:

- Đối với thẩm quyền phê duyệt của UBND Tỉnh: nhà đầu tư trực tiếp nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng và hồ sơ được chuyển đến cơ quan có thẩm quyền thẩm định trong thời hạn 01 ngày làm việc.

- Đối với thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện: nhà đầu tư trực tiếp nộp hồ sơ tại Phòng Kinh tế và Hạ tầng hoặc Phòng Quản lý đô thị cấp huyện và hồ sơ được chuyển đến cơ quan có thẩm quyền thẩm định trong thời hạn 01 ngày làm việc.

- Cơ quan quản lý quy hoạch các cấp có trách nhiệm xem xét hồ sơ, thẩm định nội dung nhiệm vụ quy hoạch chi tiết và báo cáo nội dung thẩm định với cơ quan có thẩm quyền phê duyệt xem xét, quyết định. Trường hợp qua thẩm định hồ sơ chưa đạt yêu cầu, cơ quan quản lý quy hoạch có văn bản góp ý cụ thể thông báo cho nhà đầu tư hoàn chỉnh nhiệm vụ quy hoạch.

- Thời gian thẩm định hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và chưa kể thời gian lấy ý kiến các ngành, địa phương liên quan.

- Văn phòng UBND Tỉnh tiếp nhận, tổng hợp đầy đủ hồ sơ của Sở Xây dựng trong thời hạn 01 ngày làm việc.

- UBND Tỉnh hoặc UBND cấp huyện xem xét, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định nhiệm vụ quy hoạch của cơ quan quản lý quy hoạch các cấp.

3. Trình tự phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết

a) Thành phần hồ sơ: 01 tập văn bản có liên quan và 07 tập bản vẽ đồ án quy hoạch theo quy định tại *Phụ lục II đính kèm*.

b) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt: UBND Tỉnh hoặc UBND cấp huyện.

- Cơ quan quản lý quy hoạch thẩm định hồ sơ: Sở Xây dựng hoặc Phòng Kinh tế hạ tầng các huyện; Phòng Quản lý đô thị các thành phố.

c) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt.

d) Phí, lệ phí: theo quy định hiện hành.

đ) Trình tự thực hiện: thời gian giải quyết trong thời hạn **17 ngày** làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Đơn vị tiếp nhận hồ sơ đồ án quy hoạch chi tiết:

- Đối với thẩm quyền phê duyệt của UBND Tỉnh: nhà đầu tư trực tiếp nộp hồ sơ tại Sở Xây dựng và hồ sơ được chuyển đến cơ quan có thẩm quyền thẩm định trong thời hạn 01 ngày làm việc.

- Đối với thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện: nhà đầu tư trực tiếp nộp hồ sơ tại Phòng Kinh tế và Hạ tầng hoặc Phòng Quản lý đô thị cấp huyện và hồ sơ được chuyển đến cơ quan có thẩm quyền thẩm định trong thời hạn 01 ngày làm việc.

- Cơ quan quản lý quy hoạch các cấp có trách nhiệm xem xét hồ sơ, thẩm định nội dung đồ án quy hoạch chi tiết và báo cáo nội dung thẩm định với cơ

quan có thẩm quyền phê duyệt xem xét, quyết định. Trường hợp qua thẩm định hồ sơ chưa đạt yêu cầu, cơ quan quản lý quy hoạch có văn bản góp ý cụ thể thông báo cho nhà đầu tư hoàn chỉnh đồ án quy hoạch.

- Thời gian thẩm định hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và chưa kể thời gian lấy ý kiến các ngành, địa phương liên quan.

- Văn phòng UBND Tỉnh tiếp nhận, tổng hợp đầy đủ hồ sơ của Sở Xây dựng không quá 03 ngày làm việc.

- UBND Tỉnh hoặc UBND cấp huyện xem xét, phê duyệt đồ án quy hoạch trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định đồ án quy hoạch của cơ quan quản lý quy hoạch các cấp.

Điều 7. Trình tự thực hiện bước 3: Thủ tục về đất đai; bảo vệ môi trường

(Sở Tài nguyên và Môi trường/UBND cấp huyện chủ trì, chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục về đất đai và bảo vệ môi trường).

Nhà đầu tư có thể thực hiện song song với thủ tục tại bước 2.

1. Thủ tục về đất đai (giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)

- Về hồ sơ, trình tự thực hiện thủ tục giao đất, thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1859/QĐ-UBND-HC ngày 07/12/2021 của UBND tỉnh Đồng Tháp về công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm xác định phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng mà nhà đầu tư phải hoàn trả ngân sách Nhà nước, đối với các dự án ưu đãi đầu tư về đất đai theo quy định.

2. Thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (32 ngày làm việc)

a) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục

- Dự án đầu tư nhóm I quy định tại khoản 3 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường.

- Dự án đầu tư nhóm II quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 4 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường.

b) Thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết (hồ sơ gồm 02 giai đoạn)

Thành phần hồ sơ:

- Đối với hồ sơ đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

+ Một (01) bản chính văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thực hiện theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

+ Một (01) bản chính Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật của dự án đầu tư hoặc các tài liệu tương đương.

+ Chín (09) bản chính Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án theo Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Trường hợp số lượng thành viên hội đồng thẩm định nhiều hơn chín (09) người, chủ dự án phải cung cấp thêm số lượng Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Đối với hồ sơ đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

+ Một (01) bản chính văn bản đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, trong đó giải trình rõ những nội dung đã được chỉnh sửa, bổ sung theo kết quả thẩm định, trừ trường hợp không phải chỉnh sửa, bổ sung.

+ Năm (05) bản chính Báo cáo đánh giá tác động môi trường được đóng quyển gáy cứng, tổ chức/cá nhân ký vào phía dưới của từng trang hoặc đóng dấu giáp lai báo cáo (kể cả phụ lục kèm theo đĩa CD) trong đó chứa tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.doc” chứa nội dung của báo cáo và tệp văn bản điện tử định dạng đuôi “.pdf” chứa nội dung đã quét (scan) của toàn bộ báo cáo (bao gồm cả phụ lục).

Thời hạn giải quyết:

- Đối với hồ sơ đề nghị thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường: **20 ngày** làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, bao gồm:

+ Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Trung tâm KSTTHC&PVHCC (Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường). Hồ sơ được chuyển đến Sở Tài nguyên và Môi trường không quá 01 ngày làm việc.

+ Trong thời hạn 19 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án. Hội đồng tiến hành họp hoặc cho ý kiến về nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án và gửi kết quả về Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp. Căn cứ vào kết quả của phiên họp Hội đồng hoặc ý kiến các thành viên hội đồng, Sở Tài nguyên và Môi trường ra thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án (thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung; không thông qua; thông qua với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung).

- Đối với hồ sơ đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường: **12 ngày** làm việc, bao gồm:

+ Nhà đầu tư nộp hồ sơ đã hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng thẩm định tại Trung tâm KSTTHC&PVHCC (Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường). Hồ sơ được chuyển đến Sở Tài nguyên và Môi trường không quá 01 ngày làm việc.

+ Trong 09 ngày làm việc Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, xem xét các nội dung chỉnh sửa của Báo cáo đánh giá tác động môi trường trình UBND Tỉnh phê duyệt.

+ Trong 02 ngày làm việc Văn phòng UBND Tỉnh trình UBND Tỉnh phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án.

c) Nội dung thẩm định: theo quy định tại Điều 32 Luật Bảo vệ môi trường.

d) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc văn bản trả lời nhà đầu tư (nêu rõ lý do).

2. Cấp giấy phép môi trường cấp tỉnh (30 ngày làm việc)

a) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục

Dự án đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường.

b) Thành phần hồ sơ (gồm 2 giai đoạn):

Thẩm định hồ sơ cấp giấy phép môi trường:

- Một (01) bản chính văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở thực hiện theo mẫu ban hành kèm theo tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Một (01) bản sao Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng (đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường).

- Chín (09) bản chính Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường:

+ Đối với Dự án đầu tư đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi đi vào vận hành thử nghiệm: Theo mẫu tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

+ Đối với Dự án đầu tư nhóm II không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường: theo mẫu tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

+ Đối với cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm I hoặc nhóm II: theo mẫu tại Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

+ Đối với Dự án đầu tư nhóm III: theo mẫu tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

+ Đối với cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III: theo mẫu tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Trường hợp số lượng thành viên hội đồng thẩm định nhiều hơn chín (09) người, chủ dự án phải cung cấp thêm số lượng báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và kèm theo bản điện tử.

Phê duyệt hồ sơ cấp Giấy phép môi trường:

- Một (01) bản chính Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã chỉnh sửa, bổ sung và một (01) bản chính văn bản giải trình những nội dung đã chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định.

- Một (01) bản sao Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về

đầu tư, xây dựng (đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường).

- Đối với hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung: chủ dự án nộp lại một (01) bản chính Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã chỉnh sửa, bổ sung và một (01) bản chính văn bản giải trình những nội dung đã chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định.

c) Thời hạn giải quyết (gồm 2 giai đoạn)

- *Thẩm định hồ sơ cấp giấy phép môi trường: 20 ngày* làm việc, bao gồm:

+ Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Trung tâm KSTTHC&PVHCC (Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường). Hồ sơ được chuyển đến Sở Tài nguyên và Môi trường không quá 01 ngày làm việc.

+ Trong thời hạn 19 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập Hội đồng thẩm định cấp giấy phép môi trường cho dự án. Hội đồng tiến hành họp hoặc cho ý kiến về nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án và gửi kết quả về Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp. Căn cứ vào kết quả của phiên họp Hội đồng hoặc ý kiến các thành viên hội đồng, Sở Tài nguyên và Môi trường ra thông báo hoàn thiện hoặc trả hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường cho dự án (thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung; không thông qua; thông qua với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung).

- *Phê duyệt hồ sơ cấp giấy phép môi trường: 10 ngày* làm việc, bao gồm:

+ Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Trung tâm KSTTHC&PVHCC (Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường). Hồ sơ được chuyển đến Sở Tài nguyên và Môi trường không quá 01 ngày làm việc.

+ Trong 05 ngày làm việc Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, xem xét các nội dung chỉnh sửa của Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trình UBND tỉnh phê duyệt.

+ Trong 04 ngày làm việc, Văn phòng UBND Tỉnh tổng hợp đầy đủ hồ sơ, trình UBND Tỉnh phê duyệt Giấy phép môi trường cho dự án.

d) Nội dung thẩm định: theo quy định tại khoản 2 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường.

đ) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép môi trường hoặc văn bản trả lời nhà đầu tư (nêu rõ lý do).

3. Cấp giấy phép môi trường cấp huyện (30 ngày làm việc)

a) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục

Dự án đầu tư theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường.

b) Thành phần hồ sơ (gồm 2 giai đoạn):

Thẩm định hồ sơ cấp giấy phép môi trường:

- Một (01) bản chính văn bản đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư, cơ sở thực hiện theo mẫu ban hành kèm theo tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Bảy (07) bản chính Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường:

+ Đối với Dự án đầu tư nhóm III: theo mẫu tại Phụ lục XI ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

+ Đối với cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với dự án nhóm III: theo mẫu tại Phụ lục XII ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Trường hợp số lượng thành viên hội đồng thẩm định nhiều hơn bảy (07) người, chủ dự án phải cung cấp thêm số lượng báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và kèm theo bản điện tử.

Phê duyệt hồ sơ cấp giấy phép môi trường:

- Một (01) bản sao Báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc tài liệu tương đương với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng (đối với dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường).

- Đối với hồ sơ phải chỉnh sửa, bổ sung: chủ dự án nộp lại một (01) bản chính Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã chỉnh sửa, bổ sung và một (01) bản chính văn bản giải trình những nội dung đã chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của Tổ thẩm định.

c) Thời hạn giải quyết:

- *Thẩm định hồ sơ cấp giấy phép môi trường: 25 ngày* làm việc, bao gồm:

+ Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (Bộ phận tiếp nhận hồ sơ môi trường). Hồ sơ được chuyển đến Phòng Tài nguyên và Môi trường không quá 01 ngày làm việc.

+ Trong thời hạn 24 ngày làm việc, Phòng Tài nguyên và Môi trường tham mưu UBND cấp huyện thành lập Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường cho dự án. Tổ thẩm định tiến hành họp hoặc cho ý kiến về nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án và gửi kết quả về Tổ thẩm định tổng hợp. Căn cứ vào kết quả của phiên họp Hội đồng hoặc ý kiến các thành viên Hội đồng, UBND cấp huyện ra thông báo hoàn thiện hoặc trả hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường cho dự án (thông qua không cần chỉnh sửa, bổ sung; không thông qua; thông qua với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung).

- *Phê duyệt hồ sơ cấp Giấy phép môi trường: 05 ngày* làm việc, bao gồm:

+ Nhà đầu tư nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (Bộ phận tiếp nhận hồ sơ môi trường). Hồ sơ được chuyển đến Phòng Tài nguyên và Môi trường không quá 01 ngày làm việc.

+ Trong 02 ngày làm việc, Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định, xem xét các nội dung chỉnh sửa của Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường trình UBND cấp huyện phê duyệt.

+ Trong 02 ngày làm việc, UBND cấp huyện xem xét phê duyệt Giấy phép môi trường cho dự án.

d) Nội dung thẩm định: theo quy định tại khoản 2 Điều 40 Luật Bảo vệ môi trường.

đ) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép môi trường hoặc văn bản trả lời nhà đầu tư (nêu rõ lý do).

Điều 8. Trình tự thực hiện bước 4: Thẩm duyệt thiết kế về Phòng cháy chữa cháy

(Công an Tỉnh - Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chủ trì, chịu trách nhiệm thực hiện thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy).

Nhà đầu tư thực hiện hồ sơ thủ tục về thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy đối với các dự án, công trình thuộc Phụ lục V Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ.

1. Thành phần và số lượng hồ sơ

- Thành phần: theo *Phụ lục III đính kèm*, theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ.

- Số lượng: 01 bộ hồ sơ.

2. Thời hạn giải quyết

- Đồ án quy hoạch xây dựng: không quá 05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).

- Chấp thuận địa điểm xây dựng công trình: không quá 05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).

- Thiết kế cơ sở: Không quá 10 ngày làm việc đối với dự án quan trọng quốc gia, dự án, công trình nhóm A, không quá 05 ngày làm việc đối với dự án, công trình còn lại (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).

- Thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công: Không quá 15 ngày làm việc đối với dự án, công trình quan trọng quốc gia, dự án, công trình nhóm A; không quá 10 ngày làm việc đối với dự án, công trình còn lại (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ).

- Nhà đầu tư nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an Tỉnh (số 155, đường Nguyễn Huệ, phường Mỹ Phú, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp), trực tuyến tại Cổng dịch vụ công hoặc thông qua dịch vụ Bưu chính công ích, thuê dịch vụ hoặc uỷ quyền theo quy định của pháp luật.

3. Lệ phí

- Mức thu phí thẩm duyệt thiết kế được tính theo Điều 5 Thông tư số 258/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định, phê duyệt thiết kế phòng cháy và chữa cháy và theo các quy định khác của Bộ Tài chính.

Lưu ý: Thời điểm nộp phí thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy, người nộp phí phải nộp toàn bộ lệ phí thẩm duyệt trong thời gian từ thời điểm được thông báo lệ phí đến trước khi được cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy theo giấy hẹn.

4. Về năng lực của đơn vị tư vấn thiết kế về phòng cháy chữa cháy

Đơn vị tư vấn thiết kế về phòng cháy chữa cháy phải có đầy đủ năng lực theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/01/2020 của Chính phủ.

Điều 9. Trình tự thực hiện bước 5: Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

(Sở Xây dựng/Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì, chịu trách nhiệm thực hiện thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở).

1. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng

a) **Các cơ quan chuyên môn về xây dựng:** theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND ngày 24/9/2021 của UBND Tỉnh về việc ban hành Quy định phân công, phân cấp và uỷ quyền trong việc thực hiện một số nhiệm vụ quản lý dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (sau gọi tắt là Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND).

b) Chủ đầu tư nộp hồ sơ thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại Trung tâm KSTTHC&PVHCC (Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, gồm: Sở Công Thương, Sở Giao thông Vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả phải chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền.

c) **Đối tượng thẩm định:** theo khoản 1 Điều 24 của Quyết định 23/2021/QĐ-UBND.

d) **Hồ sơ trình thẩm định:** theo Điều 14 Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.

đ) **Thời hạn giải quyết:** không quá **15 ngày** làm việc đối với dự án nhóm B; không quá 10 ngày làm việc đối với dự án nhóm C.

e) **Phí thẩm định:** thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở của cơ quan chuyên môn về xây dựng

a) **Các cơ quan chuyên môn về xây dựng:** theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quyết định số 23/2021/QĐ-UBND.

b) Chủ đầu tư nộp hồ sơ thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại Trung tâm KSTTHC&PVHCC (Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng hoặc Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, gồm: Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả phải chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền.

c) **Đối tượng thẩm định:** theo khoản 2 Điều 24 của Quyết định 23/2021/QĐ-UBND.

d) **Hồ sơ trình thẩm định:** theo Điều 37 của Nghị định 15/2021/NĐ-CP

ngày 03/3/2021 của Chính phủ.

d) Thời hạn giải quyết: không quá 12 ngày làm việc.

e) Phí thẩm định: thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Một số nội dung cần lưu ý

- Việc tổ chức thẩm định, phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 56; khoản 4 Điều 60 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13, khoản 17 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.

- Việc thẩm định, phê duyệt thiết kế sau thiết kế cơ sở được thực hiện theo quy định tại Điều 82; khoản 3 Điều 83 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24, khoản 25 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.

- Chấp thuận tổng mặt bằng đối với các dự án đầu tư xây dựng không phải lập quy hoạch chi tiết (thực hiện theo Công văn số 200/UBND-ĐTĐ ngày 07/6/2022 của UBND Tỉnh về hình thức thực hiện công tác lập bản vẽ tổng mặt bằng đối với các dự án đầu tư xây dựng không phải lập quy hoạch chi tiết):

+ Đối tượng áp dụng: (1) đối với dự án đầu tư xây dựng tại đô thị có quy mô nhỏ hơn 05 ha (đối với nhà ở chung cư có quy mô nhỏ hơn 02ha) đã có quy hoạch phân khu được duyệt và do một chủ đầu tư tổ chức thực hiện; (2) các dự án trong khu chức năng (khu chế xuất, khu công nghệ cao; khu du lịch; khu nghiên cứu, đào tạo; khu thể dục thể thao), có quy mô nhỏ hơn 5ha (đối với nhà ở chung cư có quy mô nhỏ hơn 02ha) đã có quy hoạch phân khu xây dựng được duyệt và do một chủ đầu tư tổ chức thực hiện.

+ Tổ chức thực hiện: Cơ quan chủ trì thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tổ chức lấy ý kiến Ủy ban nhân dân Huyện/Thành phố nơi xây dựng công trình bằng văn bản; Ủy ban nhân dân Huyện/Thành phố có trách nhiệm xem xét, trả lời bằng văn bản cho cơ quan chuyên môn về xây dựng trong thời hạn 5 ngày làm việc để làm cơ sở kết luận thẩm định.

Điều 10. Trình tự thực hiện bước 6: Cấp Giấy phép xây dựng

(Sở Xây dựng/ UBND cấp huyện chủ trì, chịu trách nhiệm thực hiện thẩm định cấp Giấy phép xây dựng)

1. Cơ quan cấp phép xây dựng: theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 8 Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND ngày 10/3/2022 của UBND Tỉnh ban hành quy định về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (sau gọi tắt là Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND).

2. Chủ đầu tư nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép xây dựng tại Trung tâm KSTTHC&PVHCC (Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Xây dựng) hoặc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện nơi xây dựng công trình. Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả phải chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép xây dựng.

3. Đối tượng cấp phép xây dựng: theo Điều 8 của Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND.

4. Hồ sơ trình cấp phép xây dựng: theo Điều 5 của Quyết định số 03/2022/QĐ-UBND.

5. Thời hạn giải quyết: Không quá **13 ngày** làm việc.

6. Phí, lệ phí: theo quy định của HĐND Tỉnh.

Chương III

TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

VÀ CƠ CHẾ PHỐI HỢP GIỮA CÁC CƠ QUAN

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước trong việc giải quyết các thủ tục hành chính về triển khai các dự án đầu tư cho nhà đầu tư

1. Các Sở, ban ngành Tỉnh bố trí cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất tốt, nắm vững về quy trình thủ tục và chuyên môn làm việc tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Trung tâm KSTTHC&PVHCC.

2. Ban hành quy chế nội bộ bao gồm trình tự giải quyết các thủ tục hành chính về triển khai các dự án đầu tư từ bước tiếp nhận, xử lý hồ sơ cho đến khi trả kết quả cho nhà đầu tư, bảo đảm thực hiện theo đúng thời hạn quy định của Quy chế này.

3. Ban hành danh mục tài liệu trong hồ sơ, bao gồm: số lượng các loại giấy tờ, hướng dẫn chi tiết về bộ hồ sơ, quy chuẩn các mẫu biểu cần thiết, đảm bảo tính đơn giản và dễ thực hiện đối với nhà đầu tư.

Điều 12. Trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa các cơ quan

1. Trung tâm KSTTHC&PVHCC

- Là cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, liên hệ hướng dẫn và đôn đốc nhà đầu tư thực hiện các thủ tục hành chính theo Quy chế này; định kỳ hàng tháng (trước ngày 24), gửi báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư, để tổng hợp, báo cáo UBND Tỉnh.

- Là cơ quan đầu mối phối hợp, đôn đốc các Sở, ban ngành Tỉnh và UBND cấp huyện để giải quyết các thủ tục cho nhà đầu tư theo thẩm quyền.

- Theo dõi, đánh giá tình hình tiếp nhận hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính và các vấn đề liên quan; định kỳ hàng tháng, hàng quý, cả năm, báo cáo Chủ tịch UBND Tỉnh và thông báo về các cơ quan có thủ tục hành chính giải quyết tại Trung tâm KSTTHC&PVHCC.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Đề xuất UBND Tỉnh xử lý các trường hợp nhà đầu tư đã ký quỹ hoặc đã có bảo lãnh ngân hàng về nghĩa vụ ký quỹ nhưng không triển khai dự án đầu tư theo đúng tiến độ cam kết.

- Chủ trì, phối hợp Trung tâm KSTTHC&PVHCC báo cáo UBND Tỉnh định kỳ hàng tháng (trước ngày 26) về tiến độ thực hiện thủ tục hành chính, tình hình chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo Quy chế này.

- Định kỳ hàng quý, hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND Tỉnh (đồng gửi các Sở, ban ngành Tỉnh và UBND cấp huyện) về tình hình tiếp nhận, cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, đánh giá tổng kết hàng năm về tình hình hoạt động của các dự án đầu tư trên địa bàn Tỉnh (kể cả chính sách ưu đãi đầu tư) thuộc phạm vi quản lý, cụ thể như sau:

+ Báo cáo quý được thực hiện trước ngày 15 của tháng đầu quý sau quý báo cáo, gồm những nội dung: Đánh giá về tình hình tiếp nhận hồ sơ, cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và tình hình hoạt động của dự án đầu tư.

+ Báo cáo năm được thực hiện trước ngày 10 tháng 4 của năm sau năm báo cáo, gồm những nội dung sau: đánh giá tình hình đầu tư cả năm, dự kiến kế hoạch thu hút, danh mục dự án đầu tư đang có nhà đầu tư quan tâm.

- Định kỳ hàng quý, hàng năm, tham mưu UBND Tỉnh tổng hợp, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo các nội dung tại khoản 3 Điều này sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

3. Các Sở, ngành Tỉnh và UBND cấp huyện

a) Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an Tỉnh (Phòng Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ), Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, UBND cấp huyện thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của mình, chịu trách nhiệm thẩm định các nội dung tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 Quy chế này.

- Định kỳ hàng quý, hàng năm, gửi báo cáo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư về tình hình triển khai các thủ tục đầu tư, tiến độ thực hiện dự án thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của mình.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường

- Theo dõi việc sử dụng đất, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Luật Đất đai, Luật Bảo vệ môi trường, các văn bản hướng dẫn thi hành của các dự án đầu tư trên địa bàn Tỉnh và một số nhiệm vụ khác theo quy định chức năng, nhiệm vụ của ngành phụ trách; chủ trì, cùng các Sở, ban ngành Tỉnh và UBND cấp huyện kiểm tra, thanh tra việc sử dụng đất của người sử dụng đất; phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc kiểm tra, xem xét việc chấp hành các quy định của pháp luật liên quan đến việc thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất. Trường hợp, dự án đầu tư không đưa đất vào sử dụng thì đề xuất UBND Tỉnh thu hồi đất theo quy định.

- Yêu cầu nhà đầu tư thực hiện ký quỹ hoặc có bảo lãnh ngân hàng về nghĩa vụ ký quỹ trước khi trình UBND Tỉnh giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định.

c) Sở Xây dựng

Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quản lý trật tự xây dựng, quản lý Nhà nước về nhà ở trên địa bàn Tỉnh và một số nhiệm vụ khác theo quy định chức năng, nhiệm vụ của ngành phụ trách.

d) Sở Tài chính

Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng nhà đầu tư phải hoàn trả ngân sách Nhà nước khi được miễn, giảm tiền thuê đất của dự án theo đề nghị của UBND cấp huyện, làm cơ sở trình UBND Tỉnh xem xét, phê duyệt theo quy định; là cơ quan thường trực Hội đồng Thẩm định giá đất Tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo thông qua Hội đồng Thẩm định giá đất Tỉnh theo đúng trình tự, thủ tục xác định giá đất cụ thể trên địa bàn Tỉnh.

đ) Cục Thuế Tỉnh

- Thực hiện kiểm tra, giám sát việc kê khai thuế, hoàn thuế, miễn, giảm thuế nộp thuế, quyết toán thuế và chấp hành chính sách pháp luật về thuế theo quy định.

- Theo dõi thu tiền thuê đất, tiền sử dụng đất nhà đầu tư phải nộp. Sau khi UBND Tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng các nhà đầu tư phải hoàn trả ngân sách Nhà nước, Cục Thuế Tỉnh có trách nhiệm thu theo quy định pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở quản lý chuyên ngành và UBND cấp huyện tiến hành giám sát việc thực hiện của các dự án xã hội hóa theo đúng điều kiện và tiêu chí đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Định kỳ hàng quý, hàng năm, gửi báo cáo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư về tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế của các dự án đầu tư (kể cả ưu đãi đầu tư được hưởng) thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của mình.

e) Cục Hải quan Tỉnh

- Thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về hải quan theo quy định.

- Định kỳ hàng quý, hàng năm, gửi báo cáo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư về tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế của các dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của mình.

g) UBND cấp huyện

- Chịu trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý Nhà nước tại địa phương, quản lý giám sát nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án theo tiến độ và quy hoạch được phê duyệt (*nhất là các dự án giao UBND cấp huyện tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định*).

- Chịu trách nhiệm xác định số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng mà nhà đầu tư phải hoàn trả ngân sách Nhà nước khi được miễn, giảm tiền thuê đất của dự án, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND Tỉnh xem xét, phê duyệt.

- Theo dõi việc nhà đầu tư tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư, quy hoạch, đất đai, môi trường, xây dựng, lao động, phòng cháy chữa cháy, quy định khác của pháp luật có liên quan; đôn đốc nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án trên địa bàn theo tiến độ được cấp thẩm quyền chấp thuận nhà đầu tư/chấp thuận

chủ trương đầu tư/ chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư/cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trên địa bàn; đề xuất các biện pháp tháo gỡ khó khăn cho các nhà đầu tư; kiến nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư chấm dứt hoạt động của dự án và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (hoặc văn bản chấp thuận đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư) đối với những dự án vi phạm quy định của Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Xây dựng và pháp luật có liên quan.

- Định kỳ hàng quý, hàng năm, gửi báo cáo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư về tình hình triển khai các thủ tục đầu tư, tiến độ thực hiện dự án trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý cấp huyện.

h) Các cơ quan quản lý chuyên ngành khác

Định kỳ hàng quý, hàng năm, gửi báo cáo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư về tình hình thực hiện các dự án đầu tư thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của mình.

i) Thời gian báo cáo của các cơ quan

- Định kỳ hàng quý: báo cáo trước ngày 10 của tháng đầu quý sau quý báo cáo.

- Định kỳ hàng năm: báo cáo trước ngày 31 tháng 3 năm sau của năm báo cáo.

4. Nhà đầu tư

- Nhà đầu tư có trách nhiệm tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư, quy hoạch, đất đai, môi trường, xây dựng, lao động, phòng cháy chữa cháy, quy định khác của pháp luật có liên quan, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có) và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có) trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư.

- Chủ động thực hiện hồ sơ, thủ tục để triển khai xây dựng đưa dự án vào hoạt động theo tiến độ cam kết.

- Nhà đầu tư thực hiện thủ tục đầy đủ, hợp lệ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Nhà đầu tư chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật và mọi thiệt hại phát sinh trong trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đúng thủ tục quy định tại Luật Đầu tư năm 2020, Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ và pháp luật có liên quan.

- Nhà đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế, các nghĩa vụ tài chính với các bên liên quan khác (nếu có) khi thực hiện đầu tư dự án theo quy định pháp luật.

- Định kỳ hàng quý, hàng năm, nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư gửi báo cáo cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan thống kê trên địa bàn Tỉnh và UBND cấp huyện có dự án đầu tư về tình hình thực hiện dự án đầu tư, gồm các nội dung sau: vốn đầu tư thực hiện, kết quả hoạt động đầu tư kinh doanh, thông tin về lao động, nộp ngân sách nhà nước, đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, xử lý và bảo vệ môi trường, các chỉ tiêu chuyên ngành theo lĩnh vực hoạt động.

Cụ thể, như sau:

+ Báo cáo quý được thực hiện **trước ngày 10 của tháng đầu quý sau quý báo cáo**, gồm các nội dung: vốn đầu tư thực hiện, doanh thu thuần, xuất khẩu, nhập khẩu, lao động, thuế và các khoản nộp ngân sách, tình hình sử dụng đất, sử dụng mặt nước. Mẫu báo cáo tại *Phụ lục IV đính kèm*.

+ Báo cáo năm được thực hiện trước ngày **31 tháng 3 năm sau của năm báo cáo**, gồm các chỉ tiêu của báo cáo quý và chỉ tiêu về lợi nhuận, thu nhập của người lao động, các khoản chi và đầu tư cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, xử lý và bảo vệ môi trường, nguồn gốc công nghệ sử dụng. Mẫu báo cáo tại *Phụ lục IV đính kèm*.

- Sau khi dự án được chấp thuận nhà đầu tư; chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án nếu có khó khăn, vướng mắc, nhà đầu tư gửi thông tin về Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND cấp huyện để phối hợp, hỗ trợ cho nhà đầu tư. Trong trường hợp cần thiết thì tổng hợp, báo cáo UBND Tỉnh xem xét, chỉ đạo.

- Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện báo cáo giám sát đánh giá đầu tư định kỳ theo quy định của pháp luật.

5. Sau khi dự án được chấp thuận nhà đầu tư; chấp thuận chủ trương đầu tư; chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư; cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có). Các cơ quan hướng dẫn hồ sơ thủ tục để dự án đủ điều kiện triển khai đầu tư xây dựng và hỗ trợ việc triển khai hoạt động dự án trong phạm vi quản lý Nhà nước của mình.

6. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, nhà đầu tư phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND Tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Văn phòng UBND Tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Thuế Tỉnh; Cục Hải quan Tỉnh; Công an Tỉnh; Bộ Chỉ huy quân sự Tỉnh; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đồng Tháp; các Sở, ban ngành Tỉnh có liên quan; UBND huyện, thành phố; Trung tâm KSTTHC&PVHCC căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao, có trách nhiệm phối hợp, triển khai thực hiện tốt Quy chế này./.

PHỤ LỤC I: HỒ SƠ ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 389 /QĐ-UBND.HC ngày 03/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

1. Thành phần hồ sơ Chấp thuận Nhà đầu tư (theo quy định tại Điều 30 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ):

- Văn bản đề nghị chấp thuận nhà đầu tư (theo Mẫu A.I.5).
- Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư.
- Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.
- Phương án bố trí tổng mặt bằng khu đất của dự án.
- Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.
- Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.
- Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).

Mẫu A.I.5**Văn bản đề nghị chấp thuận nhà đầu tư**

(Khoản 3 Điều 29 Luật Đầu tư, các khoản 1 và 2 Điều 30 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ

Kính gửi:(Cơ quan nhà nước có thẩm quyền)

Nhà đầu tư đề nghị chấp thuận nhà đầu tư để thực hiện dự án đầu tư tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số....., ngày cấp....., cơ quan cấp.... với các nội dung như sau:

I. THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ

1. Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên:Giới tính:

Ngày sinh:Quốc tịch:

..... (Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân) số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp: ..

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):.....

Điện thoại:Fax:Email:

2. Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức) số:; ngày cấp:; Cơ quan cấp:....

Địa chỉ trụ sở:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):.....

Điện thoại:Fax: Email: Website (nếu có):...

Nhà đầu tư tiếp theo (nếu có): thông tin kê khai tương tự như nội dung tại mục 1 và 2

3. Tỷ lệ (dự kiến) về vốn góp của các nhà đầu tư (trong trường hợp có từ 02 nhà đầu tư trở lên).

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp	Tỷ lệ (%)
-----	----------------	------------	-----------

		VNĐ	Tương đương USD (nếu có)	

II. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ (đã được chấp thuận chủ trương đầu tư)

1. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đã cấp số...../QĐ.....ngày.....

2. Nội dung dự án:

- Tên dự án:
- Mục tiêu:
- Tổng vốn đầu tư
- Quy mô dự án:
- Tiến độ:
- Địa điểm:
- Thời hạn dự án:

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ (do nhà đầu tư đề xuất)

1. Vốn đầu tư của dự án (sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, nếu có):

- Vốn góp của nhà đầu tư:...(bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ (tỷ giá..... ngày..... của.....).

- Vốn huy động: (bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ.

- Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư (nếu có):

2. Tiến độ thực hiện dự án:

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:.....

- Vốn góp (Tiến độ, tỷ lệ và phương thức góp vốn - ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			

(*) Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,

- Vốn huy động (dự kiến):

- Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư (nếu có):

- b) Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư;
- c) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành (*nếu có*);
- d) Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (*nếu có*);
(*Trường hợp dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn thì phải ghi rõ tiến độ thực hiện từng giai đoạn*).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. (tên nhà đầu tư) cam kết thực hiện dự án đã được (cơ quan chấp thuận chủ trương) chấp thuận chủ trương tại Quyết định số...../QĐ.... ngày..... theo đúng tiến độ đã được quy định và đáp ứng các điều kiện sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, nhà ở, xây dựng, kinh doanh bất động sản, điều kiện đầu tư kinh doanh (*nếu có*) và điều kiện khác theo quy định của pháp luật liên quan.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản kèm theo quy định tại các điểm b, c, e, g và h khoản 1, Điều 33 của Luật Đầu tư.

2. Các tài liệu khác có liên quan.

....., ngày tháng năm ...

Nhà đầu tư

Tùng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh
và đóng dấu (*nếu có*)

2. Thành phần hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư dự án (theo quy định tại Điều 31 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ):

- Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất bao gồm:

+ Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận.

+ Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư.

+ Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.

+ Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: nhà đầu tư hoặc hình thức lựa chọn nhà đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án và đề xuất nhu cầu sử dụng đất (nếu có), nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì nhà đầu tư được nộp báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư.

+ Trường hợp dự án đầu tư không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc tài liệu khác xác định quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư.

+ Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

+ Phương án bố trí tổng mặt bằng khu đất của dự án.

+ Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.

+ Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).

+ Đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị, ngoài các nội dung quy định tại điểm d, khoản 1, điểm b, khoản 2, Điều 33 Luật Đầu tư, đề xuất dự án đầu tư bổ sung các nội dung: thuyết minh việc triển khai dự án đầu tư đáp ứng mục tiêu, định hướng phát triển đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở; dự kiến phân chia dự án thành phần (nếu có); sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư bảo đảm yêu cầu đồng bộ; sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở và việc dành quỹ đất phát triển nhà ở xã hội; sơ bộ phương

án đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng đô thị trong và ngoài phạm vi dự án. Đối với các dự án đầu tư xây dựng còn lại thì bổ sung-dự kiến phân chia dự án thành phần (nếu có).

+ Trường hợp dự án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập, trong đó đề xuất lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu, ngoài các nội dung quy định tại điểm d, khoản 1, điểm b, khoản 2 Điều 33 Luật Đầu tư, đề xuất dự án đầu tư bổ sung sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án theo quy định pháp luật về đấu thầu. Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án được xác định trên cơ sở tổng mức đầu tư của dự án theo quy định của pháp luật về xây dựng, không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập bao gồm:

+ Tờ trình chấp thuận chủ trương đầu tư.

+ Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án, điều kiện thu hồi đất đối với dự án thuộc diện thu hồi đất, dự kiến nhu cầu sử dụng đất (nếu có); đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; dự kiến hình thức lựa chọn nhà đầu tư và điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có); cơ chế, chính sách đặc biệt (nếu có).

Trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền được sử dụng báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư.

- Tài liệu, giấy tờ giải trình đề xuất hình thức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 33 Luật Đầu tư gồm:

+ Bản sao Danh mục dự án thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua; giấy tờ chứng minh đất đã được giải phóng mặt bằng (nếu có), tài liệu giải trình khác (nếu có) trong trường hợp đề xuất lựa chọn nhà đầu tư thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

+ Bản sao Danh mục dự án thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua; giấy tờ chứng minh đất chưa được giải phóng mặt bằng (nếu có), tài liệu giải trình khác (nếu có) trong trường hợp đề xuất lựa chọn nhà đầu tư thông qua đấu thầu dự án có sử dụng đất. Trong trường hợp này, đề xuất dự án đầu tư xác định sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án được xác định trên cơ sở tổng mức đầu tư của dự án theo quy định của pháp luật về xây dựng, không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

Trường hợp đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về xã hội hóa, pháp luật chuyên ngành, tài liệu giải trình căn cứ pháp lý và điều kiện áp dụng hình thức lựa chọn nhà đầu tư thông qua đấu thầu theo quy định của pháp luật về xã hội hóa, pháp luật chuyên ngành;

+ Tài liệu chứng minh dự án không thuộc Danh mục dự án thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua; bản sao hợp lệ Quyết định giao đất hoặc quyết định cho thuê đất, hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất trong trường hợp đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư đối với nhà đầu tư có quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 29 của Luật Đầu tư;

+ Bản sao hợp lệ văn bản của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền chấp thuận việc nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư và bản sao hợp lệ các giấy tờ, văn bản khác thỏa thuận sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư trong trường hợp đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư đối với nhà đầu tư nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 29 của Luật Đầu tư.

Mẫu A.I.1**Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư**

(Điểm a khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư, Khoản 1 Điều 36 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Bộ Kế hoạch và Đầu tư/Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ**1. Nhà đầu tư thứ nhất:**

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên:Giới tính:

Ngày sinh:Quốc tịch:

..... (Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân¹) số:.....; ngày cấp:.....; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):.....

Điện thoại:Fax:Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

...(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức²) số:; ngày cấp:; Cơ quan cấp:.....

Địa chỉ trụ sở:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):.....

¹ Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

² Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

Điện thoại:Fax: Email: Website (nếu có):...

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam.³):

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Quốc tịch	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
			VNĐ	Tương đương USD	

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam):

Thông tin về người đại diện theo pháp luật/đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên:Giới tính:

Ngày sinh:Quốc tịch:

..... (Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân) số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp:

.....

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại:Fax:Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo (nếu có): kê khai thông tin tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất.

II.THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (đối với nhà đầu tư nước ngoài đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế)

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Loại hình tổ chức kinh tế.....

3. Vốn điều lệ:..... (bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ (tỷ giá..... ngày..... của.....).

4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD	

³ Đính kèm danh sách thành viên, cổ đông nước ngoài đối với trường hợp là Công ty TNHH, Công ty cổ phần.

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1		
2		

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.
- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài.

3. Quy mô dự án:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí (nếu có):

- Diện tích: liệt kê cụ thể diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha);
- Diện tích đất phù hợp quy hoạch: m^2 (trừ diện tích đất thuộc lộ giới hoặc diện tích đất không phù hợp quy hoạch);
- Công suất thiết kế;
- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp;
- Quy mô kiến trúc xây dựng dự kiến (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất...);

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên.

Trong trường hợp có mục tiêu đầu tư xây dựng nhà ở (để bán, cho thuê, cho thuê mua), khu đô thị đề nghị ghi rõ:

- Diện tích đất xây dựng:..... m^2 ;
- Diện tích sàn xây dựng nhà ở:..... m^2 ;
- Loại nhà ở (nhà liền kề, căn hộ chung cư, biệt thự ... theo quy định của Luật Nhà ở);

- Số lượng nhà ở: căn;
- Quy mô dân số: người;
- Vị trí dự án thuộc khu vực đô thị:.....(có/không);
- Dự án thuộc phạm vi bảo vệ của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt:.....(có/không);
- Dự án thuộc khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử (được xác định trong đồ án quy hoạch đô thị) của đô thị loại đặc biệt:.....(có/không);

4. Vốn đầu tư và phương án huy động vốn:

4.1. Tổng vốn đầu tư:(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ (tỷ giá..... ngày..... của.....), trong đó:

- Vốn góp của nhà đầu tư:...(bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ.

- Vốn huy động: (bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ, trong đó:

+ Vốn vay từ các tổ chức tín dụng :.....

+ Vốn huy động từ cổ đông, thành viên, từ các chủ thể khác :

+ Vốn huy động từ nguồn khác (ghi rõ nguồn) :

- Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư (nếu có):

4.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án (ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*) *Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,.....*

b) *Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ, ...) và tiến độ dự kiến.*

c) *Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư (nếu có):*

5. Thời hạn hoạt động của dự án:.....

6. Tiến độ thực hiện dự án: (ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2021):

- a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn;
- b) Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư;
- c) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành (nếu có);
- d) Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có);
(Trường hợp dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn thì phải ghi rõ tiến độ thực hiện từng giai đoạn).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
3. Cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận.
4. Đối với nhà đầu tư là công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài: Trường hợp lựa chọn áp dụng điều kiện tiếp cận thị trường và thủ tục đầu tư như quy định đối với nhà đầu tư trong nước, thì từ bỏ tất cả các quyền và lợi ích của nhà đầu tư nước ngoài theo pháp luật trong nước hoặc theo bất kỳ điều ước quốc tế nào có thể áp dụng đối với nhà đầu tư đó.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư.
2. Các văn bản quy định tại các khoản 2 Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có).
3. Các văn bản theo pháp luật về xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị, kinh doanh bất động sản.
4. Các hồ sơ liên quan khác (nếu có).

....., ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

(Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có))

Mẫu A.I.2**Đề xuất dự án đầu tư**

*(Dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do cơ quan có thẩm quyền lập)
(Điểm b khoản 2 Điều 33 Luật Đầu tư)*

**TÊN CƠ QUAN ĐỀ
XUẤT DỰ ÁN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ¹

(Ngày tháng ... năm....)

1. Tên dự án (nếu có):.....

2. Mục tiêu hoạt động của dự án:

3. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Quy mô dự án:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí (nếu có):

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha);
- Diện tích đất phù hợp quy hoạch sử dụng đất: m^2 (trừ diện tích đất thuộc lộ giới hoặc diện tích đất không phù hợp quy hoạch);
- Công suất thiết kế;
- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp;
- Quy mô kiến trúc xây dựng dự kiến (*diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất...*);

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên.

Trong trường hợp có mục tiêu đầu tư xây dựng nhà ở (để bán, cho thuê, cho thuê mua), khu đô thị đề nghị ghi rõ:

- Diện tích đất xây dựng:..... m^2 ;
- Diện tích sàn xây dựng nhà ở:..... m^2 ;

¹ Trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền được sử dụng báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư này.

- Loại nhà ở (nhà liền kề, căn hộ chung cư, biệt thự ... theo quy định của Luật Nhà ở);

- Số lượng nhà ở: căn;

- Quy mô dân số: người;

- Vị trí dự án thuộc khu vực đô thị:.....(có/không);

- Dự án thuộc phạm vi bảo vệ của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt:.....(có/không);

- Dự án thuộc khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử (được xác định trong đồ án quy hoạch đô thị) của đô thị loại đặc biệt:.....(có/không);

5. Tổng vốn đầu tư dự kiến: (tổng vốn bằng VNĐ)

(Trong trường hợp đề xuất lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đề nghị bổ sung sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án được xác định trên cơ sở tổng mức đầu tư của dự án theo quy định pháp luật về xây dựng, không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư).

6. Thời hạn hoạt động của dự án:

7. Tiến độ thực hiện dự án (ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2021):

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn (nếu có);

b) Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án;

c) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành (nếu có);

d) Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có);

(Trường hợp dự án chia thành nhiều giai đoạn thì phải ghi rõ tiến độ thực hiện từng giai đoạn).

8. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án:

Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ, ...).

9. Thông tin về đất đai:

a) Hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đất đai;

b) Điều kiện thu hồi đất đối với dự án thuộc diện thu hồi đất;

c) Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (nếu có);

d) Dự kiến sơ bộ phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các

mục đích khác đối với trường hợp các dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ *(nếu có)*.

10. Giải trình về sự phù hợp của dự án với quy hoạch có liên quan.

11. Đánh giá sơ bộ tác động môi trường *(nếu có)* theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

12. Dự kiến hình thức lựa chọn nhà đầu tư và điều kiện đối với nhà đầu tư *(nếu có)*.

13. Yêu cầu về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư *(đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ)*, *(nếu có)*.

14. Đối với dự án đầu tư xây dựng, đề nghị bổ sung các nội dung:

a) Đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị: bổ sung thuyết minh việc đáp ứng mục tiêu, định hướng phát triển đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở; dự kiến phân chia dự án thành phần *(nếu có)*; sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư bảo đảm yêu cầu đồng bộ; sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở và việc dành quỹ đất phát triển nhà ở xã hội; sơ bộ phương án đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng đô thị trong và ngoài phạm vi dự án, trong đó đề xuất sơ bộ phần hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư giữ lại để đầu tư kinh doanh, phần hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư có trách nhiệm bàn giao hoặc đề xuất bàn giao cho địa phương;

b) Đối với các dự án đầu tư xây dựng không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này: bổ sung dự kiến phân chia dự án thành phần *(nếu có)*.

15. Cơ chế, chính sách đặc biệt *(nếu có)*.

16. Hồ sơ kèm theo

a) Các văn bản quy định tại khoản 2 Điều 33 Luật Đầu tư;

b) Các văn bản quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP;

b) Các văn bản theo pháp luật về xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị, kinh doanh bất động sản;

c) Các hồ sơ liên quan khác *(nếu có)*.

....., ngày thángnăm.....

Tên cơ quan đề xuất dự án

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng
dấu)

Mẫu A.I.3**Đề xuất dự án đầu tư**

*(Dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất)
(Điểm d khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư

Ngày tháng ... năm....)

I. NHÀ ĐẦU TƯ / HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư (Ghi tên từng nhà đầu tư theo văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư)

2. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư *(nếu có)*: (Đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai/ Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu/ Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Các nội dung về tên dự án, địa điểm thực hiện dự án, mục tiêu, quy mô, vốn, phương án huy động vốn, thời hạn, tiến độ thực hiện dự án: ghi chi tiết như nội dung tại văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư

2. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất *(áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất)*.

2.1. Địa điểm khu đất: giới thiệu tổng thể về khu đất *(địa chỉ, diện tích, ranh giới, vị trí địa lý)*:

2.2. Hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đất đai *(lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)*

2.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất *(nêu rõ diện tích đất và cơ cấu sử dụng đất, thời hạn, tỷ lệ sử dụng đất của từng hạng mục công trình)*

2.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai.

2.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

2.6. Dự kiến sơ bộ phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác đối với trường hợp các dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ (nếu có)

3. Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất (nếu có).

4. Nhu cầu về lao động (nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể)

5. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án: Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ...)

6. Giải trình về sự phù hợp của dự án với quy hoạch có liên quan

7. Đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường

8. Giải trình việc đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có)

9. Đối với dự án đầu tư xây dựng

a) Đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị: bổ sung thuyết minh việc đáp ứng mục tiêu, định hướng phát triển đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở; dự kiến phân chia dự án thành phần (nếu có); sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư bảo đảm yêu cầu đồng bộ; sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở và việc dành quỹ đất phát triển nhà ở xã hội; sơ bộ phương án đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng đô thị trong và ngoài phạm vi dự án, trong đó đề xuất sơ bộ phần hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư giữ lại để đầu tư kinh doanh, phần hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư có trách nhiệm bàn giao hoặc đề xuất bàn giao cho địa phương;

b) Đối với các dự án đầu tư xây dựng không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này: bổ sung dự kiến phân chia dự án thành phần (nếu có).

10. Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư (đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ, dự án đầu tư vào khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, nếu có).

11. Giải trình về việc đáp ứng điều kiện về suất đầu tư và lao động sử dụng đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có)

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng)

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu (nếu có)

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (*ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng*)

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất (nếu có)

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (*ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng*)

4. Ưu đãi khấu hao nhanh, tăng mức chi phí được khấu trừ khi tính thu nhập chịu thuế (nếu có).**5. Ưu đãi đầu tư đặc biệt (nếu có)****6. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có)**

... .., ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Tùng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (*nếu có*)

3. Thành phần hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư (theo quy định tại Điều 36 Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ):

- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận.

- Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư.

- Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.

- Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: nhà đầu tư hoặc hình thức lựa chọn nhà đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án và đề xuất nhu cầu sử dụng đất (nếu có), nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì nhà đầu tư được nộp báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư.

- Trường hợp dự án đầu tư không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc tài liệu khác xác định quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư.

- Phương án bố trí tổng mặt bằng khu đất của dự án.

- Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

- Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.

- Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).

Mẫu A.I.4**Đề xuất dự án đầu tư²**

(Dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư)
(Khoản 1 Điều 36 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư

Ngày tháng ... năm....)

I. TÊN NHÀ ĐẦU TƯ

(Ghi tên từng nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:**

1.1. Tên dự án.....

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1	(Ngành kinh doanh chính)		
2		

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài.

3. Quy mô dự án:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí (nếu có)

² Đối với dự án đầu tư đã triển khai hoạt động, đề xuất dự án đầu tư được thay bằng báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư từ thời điểm triển khai đến thời điểm đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha)
- Diện tích đất phù hợp quy hoạch sử dụng đất: m^2 (trừ diện tích đất thuộc lộ giới hoặc diện tích đất không phù hợp quy hoạch).
- Công suất thiết kế
- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp
- Quy mô kiến trúc xây dựng dự kiến (*diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất...*)

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên.

Trong trường hợp có mục tiêu đầu tư xây dựng nhà ở (để bán, cho thuê, cho thuê mua), khu đô thị đề nghị ghi rõ:

- Diện tích đất xây dựng:..... m^2 ;
- Diện tích sàn xây dựng nhà ở:..... m^2 ;
- Loại nhà ở (nhà liền kề, căn hộ chung cư, biệt thự ... theo quy định của Luật Nhà ở);
- Số lượng nhà ở: căn;
- Quy mô dân số: người;
- Vị trí dự án thuộc khu vực đô thị:.....(*có/không*);
- Dự án thuộc phạm vi bảo vệ của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt:.....(*có/không*);
- Dự án thuộc khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử (được xác định trong đồ án quy hoạch đô thị) của đô thị loại đặc biệt:.....(*có/không*);

4. Vốn đầu tư:

4.1. Tổng vốn đầu tư:(*bằng chữ*) đồng và tương đương (*bằng chữ*) đô la Mỹ (*tỷ giá..... ngày..... của.....*), trong đó:

- Vốn góp của nhà đầu tư:...(bằng chữ) đồng và tương đương ... (*bằng chữ*) đô la Mỹ.

- Vốn huy động: (*bằng chữ*) đồng và tương đương ... (*bằng chữ*) đô la Mỹ, trong đó:

- + Vốn vay từ các tổ chức tín dụng :.....
- + Vốn huy động từ cổ đông, thành viên, từ các chủ thể khác :
- + Vốn huy động từ nguồn khác (ghi rõ nguồn) :

- Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư (*nếu có*):

4.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án (*ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư*):

STT	Tên nhà đầu	Số vốn góp	Tỷ lệ	Phương	Tiến độ
-----	-------------	------------	-------	--------	---------

	tư	VNĐ	Tương đương USD	(%)	thức góp vốn (*)	góp vốn
1						
...						

Ghi chú:

(*) *Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ*

b) *Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ,...) và tiên độ dự kiến.*

c) *Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư (nếu có):*

5. Thời hạn hoạt động của dự án:

6. Tiến độ thực hiện dự án(ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2021):

a) *Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn;*

b) *Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành hoặc khai thác vận hành (nếu có)*

c) *Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có)*

(Trường hợp dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn thì phải ghi rõ tiến độ thực hiện từng giai đoạn)

7. Nhu cầu về lao động: *(nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể)*

8. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án:

- *Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyên giao công nghệ,).*

9. Thông tin về đất đai (nếu có)

a) *Hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đất đai:*

b) *Điều kiện thu hồi đất đối với dự án thuộc diện thu hồi đất*

c) *Dự kiến nhu cầu sử dụng đất*

10. Giải trình về sự phù hợp của dự án với quy hoạch có liên quan (nếu có)

11. Đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường

12. Giải trình việc đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có)

13. Giải trình về việc đáp ứng điều kiện về suất đầu tư và lao động sử dụng
(nếu có)

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có)

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng)

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu (nếu có)

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng)

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất
(nếu có)

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng)

4. Ưu đãi khấu hao nhanh, tăng mức chi phí được khấu trừ khi tính thu nhập chịu thuế (nếu có)

5. Ưu đãi đầu tư đặc biệt (nếu có)

6. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có)

... .., ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh
và đóng dấu (nếu có)

Mẫu A.I.6**Văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư**
(Các khoản 2 và 4 Điều 35 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ**
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư có dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số và đã trúng đấu giá, trúng thầu tại Quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá hoặc Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư số.... /Nhà đầu tư được chấp thuận theo Quyết định chấp thuận nhà đầu tư, nay đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với các nội dung sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ**1. Đối với nhà đầu tư là cá nhân:**

Họ tên:Giới tính:

Ngày sinh:Quốc tịch:

..... (Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)³ số:.....; ngày cấp:.....; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):.....

Điện thoại:Fax:Email:

2. Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

...(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)⁴ số:; ngày cấp:; Cơ quan cấp:..... Địa chỉ trụ sở:

³ Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

⁴ Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):.....

Điện thoại:Fax: Email: Website (nếu có):
.....

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên:Giới tính:

Ngày sinh:Quốc tịch:

..... (Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân) số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp:
.....

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

Nhà đầu tư tiếp theo (nếu có): thông tin kê khai tương tự như nội dung tại mục 1 và 2

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (nếu có)

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Loại hình tổ chức kinh tế:.....

3. Địa chỉ:

4. Vốn điều lệ:.....(bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ (tỷ giá..... ngày..... của.....).

5. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD	

III. NỘI DUNG QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ/ QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ TRÚNG ĐÁU GIÁ HOẶC QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ/QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ.

1. Thông tin về các Quyết định đã cấp:

STT	Tên Quyết định	Số Quyết định	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

--	--	--	--	--	--

2. Nội dung dự án

- Tên dự án:
- Mục tiêu:
- Tổng vốn đầu tư
- Quy mô dự án:
- Địa điểm:
- Tiến độ:
- Thời hạn dự án:

IV. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư / Quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá hoặc Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư / Quyết định chấp thuận nhà đầu tư / Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

PHỤ LỤC II : LẬP, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT NHIỆM VỤ VÀ ĐỒ ÁN QUY HOẠCH CHI TIẾT

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND.HC ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

I. Nguyên tắc lập quy hoạch:

Khi thực hiện đầu tư xây dựng công trình thì phải lập quy hoạch chi tiết để làm cơ sở lập dự án đầu tư và cấp phép xây dựng. Nội dung lập quy hoạch chi tiết được quy định như sau:

- Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình có địa điểm xây dựng trong **khuvực đô thị**: Thực hiện lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 theo Luật Quy hoạch đô thị, Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ; Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định hiện hành khác có liên quan.

- Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình có địa điểm xây dựng tại các **khuchức năng (thuộc đô thị hoặc nông thôn)** thực hiện lập quy hoạch xây dựng theo quy định tại Luật Xây dựng, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng và các quy định hiện hành khác có liên quan.

- Đối với dự án đầu tư xây dựng công trình có địa điểm xây dựng là **điểm dân cư nông thôn**: Thực hiện lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 theo tại Luật Xây dựng, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Thông tư 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn và các quy định hiện hành khác có liên quan.

II. Thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết:

1. UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết các khu vực có phạm vi liên quan đến địa giới hành chính của 02 huyện, thành phố trở lên; khu vực có ý nghĩa quan trọng về chính trị, kinh tế - xã hội, văn hóa lịch sử của tỉnh (do UBND tỉnh quyết định); khu vực trong đô thị mới.

2. UBND các huyện, thành phố phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chi tiết trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý (trừ các quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh).

III. Thành phần hồ sơ trình phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch:

1. Thành phần hồ sơ trình phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch:

1.1. Đối với nhiệm vụ quy hoạch chi tiết thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình trong khu vực đô thị:

a. Tập các văn bản có liên quan (01 tập) gồm:

- Tờ trình đề nghị thẩm định nhiệm vụ quy hoạch chi tiết (**Mẫu 2A**).
- Danh mục hoặc chủ trương cho lập quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Báo cáo kết quả lấy ý kiến công đồng dân cư và cơ quan, tổ chức liên quan theo quy định.
- Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết.
- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).

b. Tập thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch (07 tập) gồm:

- Thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch chi tiết.
- Sơ đồ vị trí khu vực quy hoạch.
- Bản đồ ranh giới nghiên cứu, phạm vi khu vực lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500.

1.2. Đối với nhiệm vụ quy hoạch chi tiết thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình tại các khu chức năng:

a. Tập các văn bản có liên quan (01 tập) gồm:

- Tờ trình đề nghị thẩm định nhiệm vụ quy hoạch chi tiết (**Mẫu 2A**).
- Danh mục hoặc chủ trương cho lập quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Báo cáo kết quả lấy ý kiến công đồng dân cư và cơ quan, tổ chức liên quan theo quy định.
- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).

b. Tập thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch (07 tập) gồm:

- Thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng.
- Bản đồ vị trí, ranh giới khu vực quy hoạch, tỷ lệ 1/5.000 - 1/10.000.

** Lưu ý: Việc lập quy hoạch chi tiết xây dựng khu, cụm công nghiệp, khu chế xuất không cần thực hiện bước lập nhiệm vụ quy hoạch.*

1.3. Đối với nhiệm vụ quy hoạch chi tiết thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình tại khu vực nông thôn:

a. Tập các văn bản có liên quan (01 tập) gồm:

- Tờ trình đề nghị thẩm định nhiệm vụ quy hoạch chi tiết (**Mẫu 2B**).
- Danh mục hoặc chủ trương cho lập quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Báo cáo kết quả lấy ý kiến công đồng dân cư và cơ quan, tổ chức liên quan theo quy định.
- Dự thảo quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết.
- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).

b. Tập thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch (07 tập) gồm:

- Thuyết minh nhiệm vụ quy hoạch chi tiết.
- Sơ đồ vị trí khu vực quy hoạch.
- Bản đồ ranh giới nghiên cứu, phạm vi khu vực lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500.

2. Thành phần hồ sơ trình phê duyệt đồ án quy hoạch:

2.1 Đối với đồ án quy hoạch chi tiết thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình trong khu vực đô thị:

a. Tập các văn bản có liên quan (01 tập) gồm:

- Tờ trình đề nghị thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết (**Mẫu 2C**).
- Tập nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.
- Báo cáo kết quả lấy ý kiến công đồng dân cư và cơ quan, tổ chức liên quan theo quy định.
- Hồ sơ năng lực của đơn vị tư vấn, chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm, chủ trì đồ án.
- Dự thảo quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết.
- Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết.
- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).
- Đĩa CD lưu toàn bộ các bản vẽ, thuyết minh quy hoạch, dự thảo các văn bản theo quy định.

b. Tập bản vẽ (07 tập) gồm:

- Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000.
- Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/500.
- Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ 1/500.
- Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/500.
- Sơ đồ tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan.
- Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ 1/500.
- Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường, tỷ lệ 1/500.
- Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật, tỷ lệ 1/500.
- Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược tỷ lệ 1/500.
- Thuyết minh tổng hợp đề án quy hoạch chi tiết.

2.2. Đối với đề án quy hoạch chi tiết thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình tại các khu chức năng:

a. Tập các văn bản có liên quan (01 tập) gồm:

- Tờ trình đề nghị thẩm định đề án quy hoạch chi tiết xây dựng (Mẫu 2C).
- Tập nhiệm vụ quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Báo cáo kết quả lấy ý kiến công đồng dân cư và cơ quan, tổ chức liên quan theo quy định.
- Hồ sơ năng lực của đơn vị tư vấn, chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm, chủ trì đề án.
- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).
- Đĩa CD lưu toàn bộ các bản vẽ, thuyết minh quy hoạch, dự thảo các văn bản theo quy định.

b. Tập bản vẽ (07 tập) gồm:

- Sơ đồ vị trí, ranh giới khu đất thiết kế, tỷ lệ 1/5.000 - 1/10.000.
- Bản đồ hiện trạng kiến trúc, cảnh quan, tỷ lệ 1/500.
- Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/500.
- Bản đồ quy hoạch không gian kiến trúc cảnh quan, tỷ lệ 1/500.
- Các bản đồ quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật (gồm: giao thông; chuẩn bị kỹ thuật; cấp nước; thoát nước; cấp điện), tỷ lệ 1/500.

- Thuyết minh tổng hợp đề án quy hoạch chi tiết kèm theo các bản vẽ thu nhỏ in màu.

2.2. Đối với đề án quy hoạch chi tiết thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình tại khu vực nông thôn:

a. Tập các văn bản có liên quan (01 tập) gồm:

- Tờ trình đề nghị thẩm định đề án quy hoạch chi tiết (**Mẫu 2D**).
- Tập nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.
- Báo cáo kết quả lấy ý kiến công đồng dân cư và cơ quan, tổ chức liên quan theo quy định.
- Hồ sơ năng lực của đơn vị tư vấn, chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm, chủ trì đề án.
- Dự thảo quyết định phê duyệt đề án quy hoạch chi tiết.
- Dự thảo Quy định quản lý theo đề án quy hoạch chi tiết.
- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).
- Đĩa CD lưu toàn bộ các bản vẽ, thuyết minh quy hoạch, dự thảo các văn bản theo quy định.

b. Tập bản vẽ (07 tập) gồm:

- Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000.
- Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/500.
- Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ 1/500.
- Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/500.
- Sơ đồ tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan.
- Bản đồ chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ 1/500.
- Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường, tỷ lệ 1/500.
- Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật, tỷ lệ 1/500.
- Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược tỷ lệ 1/500.
- Thuyết minh tổng hợp đề án quy hoạch chi tiết.

MẪU 2A**MẪU TỜ TRÌNH ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT NHIỆM VỤ
QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU VỰC ĐÔ THỊ VÀ KHU CHỨC NĂNG***(Kèm theo Phụ lục 2)*

CƠ QUAN TRÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày..... tháng năm

TỜ TRÌNH**V/v đề nghị thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch
chi tiết..... (tên đồ án)**

Kính gửi: (Cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ danh mục hoặc chủ trương cho lập quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.....;

Căn cứ kết quả lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan về nhiệm vụ quy hoạch chi tiết

Các căn cứ khác có liên quan (nếu có).....

Nay (Cơ quan trình) kính trình (Cơ quan thẩm định) xem xét thẩm định, trình phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết do (lập) với những nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án:

Quy hoạch chi tiết

2. Phạm vi ranh giới và diện tích lập quy hoạch:

- Phạm vi lập quy hoạch:

....., có ranh giới hạn được xác định như sau:

+ Phía Đông giáp

+ Phía Tây giáp

+ Phía Nam giáp

+ Phía Bắc giáp

- Diện tích lập quy hoạch:

3. Các chỉ tiêu cơ bản dự kiến:

Nêu các chỉ tiêu cơ bản dự kiến về dân số, sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật:

4. Các yêu cầu lập quy hoạch chủ yếu:

Nêu các yêu cầu và nguyên tắc cơ bản đối với điều tra khảo sát hiện trạng và thu thập tài liệu, tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan, kết nối hạ tầng kỹ thuật và những yêu cầu nghiên cứu khác, đánh giá môi trường chiến lược:

.....

5. Danh mục các hạng mục công trình cần đầu tư xây dựng:

Nêu danh mục các hạng mục công trình cần đầu tư xây dựng trong khu vực quy hoạch chi tiết:

6. Danh mục hồ sơ đồ án:

Nêu danh mục, số lượng hồ sơ, sản phẩm của đồ án:

.....

7. Nguồn vốn và dự toán chi phí lập quy hoạch:

.....

8. Tiến độ và tổ chức thực hiện:

.....

9. Lấy ý kiến về nhiệm vụ quy hoạch:

Báo cáo kết quả lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan về nhiệm vụ quy hoạch (các ý kiến đóng góp phải được tổng hợp đầy đủ, có giải trình, tiếp thu, làm rõ):

.....
.....

10. Kiến nghị, đề xuất (nếu có):

.....
.....

(Cơ quan trình) kính trình (Cơ quan thẩm định) xem xét thẩm định và trình (Cơ quan phê duyệt) phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết/.

Nơi nhận:

CƠ QUAN TRÌNH

-
-

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu).

MẪU 2B**MẪU TỜ TRÌNH ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT NHIỆM VỤ
QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU VỰC NÔNG THÔN***(Kèm theo Phụ lục 2)*

CƠ QUAN TRÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày..... tháng năm

TỜ TRÌNH**V/v đề nghị thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch
chi tiết..... (tên đồ án)**

Kính gửi: (Cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Thông tư 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ danh mục hoặc chủ trương cho lập quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.....;

Căn cứ kết quả lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan về nhiệm vụ quy hoạch chi tiết

Các căn cứ khác có liên quan (nếu có).....,

Nay (Cơ quan trình) kính trình (Cơ quan thẩm định) xem xét thẩm định, trình phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết do (lập) với những nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án:

Quy hoạch chi tiết.....

2. Phạm vi ranh giới và diện tích lập quy hoạch:

- Phạm vi lập quy hoạch:, có ranh giới hạn được xác định như sau:

+ Phía Đông giáp

+ Phía Tây giáp

+ Phía Nam giáp

+ Phía Bắc giáp

- Diện tích lập quy hoạch:.....

3. Các chỉ tiêu cơ bản dự kiến:

Nêu các chỉ tiêu cơ bản dự kiến về dân số, sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật:.....

4. Các yêu cầu lập quy hoạch chủ yếu:

Nêu các yêu cầu và nguyên tắc cơ bản đối với điều tra khảo sát hiện trạng và thu thập tài liệu, tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan, kết nối hạ tầng kỹ thuật và những yêu cầu nghiên cứu khác, đánh giá môi trường chiến lược:

.....

5. Danh mục các hạng mục công trình cần đầu tư xây dựng:

Nêu danh mục các hạng mục công trình cần đầu tư xây dựng trong khu vực quy hoạch chi tiết:

6. Danh mục hồ sơ đồ án:

Nêu danh mục, số lượng hồ sơ, sản phẩm của đồ án:

.....

7. Nguồn vốn và dự toán chi phí lập quy hoạch:

.....

8. Tiến độ và tổ chức thực hiện:

.....

9. Lấy ý kiến về nhiệm vụ quy hoạch:

Báo cáo kết quả lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan về nhiệm vụ quy hoạch (các ý kiến đóng góp phải được tổng hợp đầy đủ, có giải trình, tiếp thu, làm rõ):

.....

.....

10. Kiến nghị, đề xuất (nếu có):

.....

.....

(Cơ quan trình) kính trình (Cơ quan thẩm định) xem xét thẩm định và trình (Cơ quan phê duyệt) phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết /.

Nơi nhận:

-
-

CƠ QUAN TRÌNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu).

MẪU 2C**MẪU TỜ TRÌNH ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT ĐỒ ÁN
QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU VỰC ĐÔ THỊ VÀ KHU CHỨC NĂNG***(Kèm theo Phụ lục 2)*

CƠ QUAN TRÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày..... tháng năm

TỜ TRÌNH**Về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch
chi tiết (tên đồ án)**

Kính gửi: (Cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết.....;

Căn cứ kết quả lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan về nhiệm vụ quy hoạch chi tiết

Các căn cứ khác có liên quan (nếu có).....,
 Nay (Cơ quan trình) kính trình (Cơ quan thẩm định) xem xét thẩm định, trình phê duyệt đề án quy hoạch chi tiết do lập) với những nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án:

Quy hoạch chi tiết

2. Phạm vi ranh giới và diện tích lập quy hoạch:

- Phạm vi lập quy hoạch:

....., có ranh giới hạn được xác định như sau:

+ Phía Đông giáp

+ Phía Tây giáp

+ Phía Nam giáp

+ Phía Bắc giáp

- Diện tích lập quy hoạch:.....

3. Tính chất khu vực lập quy hoạch:.....

4. Các chỉ tiêu cơ bản:

Xác định các chỉ tiêu về dân số, sử dụng đất quy hoạch, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật cho toàn khu vực quy hoạch:

.....

5. Cơ cấu sử dụng đất quy hoạch:

..... **6.**
Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất:

Xác định chức năng, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị về mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao công trình; khoảng lùi công trình đối với từng lô đất và trục đường; vị trí, quy mô các công trình ngầm (nếu có).

..... **7.**
Quy hoạch tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan:

Xác định chiều cao, cốt sàn và trần tầng một; hình thức kiến trúc, hàng rào, màu sắc, vật liệu chủ đạo của các công trình và các vật thể kiến trúc khác cho từng lô đất; tổ chức cây xanh công cộng, sân vườn, cây xanh đường phố và mặt nước trong khu vực quy hoạch:

.....

8. Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật:

- Xác định cốt xây dựng đối với từng lô đất:

.....

- Xác định mạng lưới giao thông (kể cả đường đi bộ nếu có), mặt cắt, chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng; xác định vị trí, quy mô bến, bãi đỗ xe:

.....
Xác định nhu cầu và nguồn cấp nước; vị trí, quy mô công trình nhà máy, trạm bơm nước; mạng lưới đường ống cấp nước và các thông số kỹ thuật chi tiết:

.....
- Xác định nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp năng lượng; vị trí, quy mô các trạm điện phân phối; mạng lưới đường dây trung thế, hạ thế và hệ thống chiếu sáng đô thị:.....

- Xác định nhu cầu và mạng lưới thông tin liên lạc:

.....
- Xác định tổng lượng nước thải, rác thải; mạng lưới thoát nước; vị trí, quy mô các công trình xử lý nước thải, chất thải:

.....
- Đánh giá môi trường chiến lược theo quy định:

.....
9. Các hạng mục ưu tiên đầu tư xây dựng:

Đề xuất các hạng mục công trình cần đầu tư xây dựng trong khu vực quy hoạch và nguồn lực để thực hiện:

.....
10. Lấy ý kiến về đồ án quy hoạch:

Báo cáo kết quả lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan về đồ án quy hoạch (các ý kiến đóng góp phải được tổng hợp đầy đủ, có giải trình, tiếp thu, làm rõ):.....

11. Kiến nghị, đề xuất (nếu có):.....

(Cơ quan trình) kính trình (Cơ quan thẩm định) xem xét thẩm định và trình (Cơ quan phê duyệt) phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết /.

Nơi nhận:

-
-

CƠ QUAN TRÌNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu).

MẪU 2D**MẪU TỜ TRÌNH ĐỀ NGHỊ THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT ĐỒ ÁN
QUY HOẠCH CHI TIẾT KHU VỰC NÔNG THÔN***(Kèm theo Phụ lục 2)*

CƠ QUAN TRÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày..... tháng năm

TỜ TRÌNH**Về việc đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch
chi tiết xây dựng..... (tên đồ án)**

Kính gửi: (Cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Thông tư 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Thông tư 20/2019/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Các căn cứ có liên quan (nếu có).....;

Căn cứ Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng.....;

Căn cứ kết quả lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan về nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng.....;

Nay (Cơ quan trình) kính trình (Cơ quan thẩm định) xem xét thẩm định, trình phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng do (lập) với những nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án:

Quy hoạch chi tiết xây dựng.....

2. Phạm vi ranh giới và diện tích lập quy hoạch:

- Phạm vi lập quy hoạch:

....., có ranh giới hạn được xác định như sau:

+ Phía Đông giáp

+ Phía Tây giáp

+ Phía Nam giáp

+ Phía Bắc giáp

- Diện tích lập quy hoạch:

.....

3. Tính chất, chức năng khu vực lập quy hoạch:

.....

4. Các chỉ tiêu cơ bản:

Xác định các chỉ tiêu chủ yếu về dân số, sử dụng đất quy hoạch và hạ tầng kỹ thuật cho toàn khu vực quy hoạch:

.....

5. Cơ cấu sử dụng đất quy hoạch:

.....

6. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất:

Xác định các chỉ tiêu cho từng lô đất về diện tích, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao xây dựng, khoảng lùi công trình; vị trí, quy mô các công trình ngầm (nếu có):

.....

7. Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật:

- Xác định cốt xây dựng đối với từng lô đất:

.....

- Xác định mạng lưới giao thông, mặt cắt, chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng; xác định vị trí, quy mô bến, bãi đỗ xe và hệ thống công trình ngầm, tuy nèn kỹ thuật (nếu có):

.....

- Xác định nhu cầu và nguồn cấp nước; vị trí, quy mô các công trình nhà máy, trạm bơm nước; mạng lưới đường ống cấp nước và các thông số kỹ thuật chi tiết:

.....

- Xác định nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp điện năng; vị trí, quy mô các trạm điện phân phối; mạng lưới đường dây trung thế, hạ thế và hệ thống chiếu sáng:

.....

- Xác định nhu cầu và mạng lưới thông tin liên lạc:

.....

- Xác định tổng lượng nước thải, rác thải; mạng lưới thoát nước; vị trí, quy mô các công trình xử lý nước thải, chất thải:

.....

- Đánh giá môi trường chiến lược và đề xuất biện pháp để giảm thiểu ảnh hưởng xấu đến môi trường trong đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng:

.....

8. Các hạng mục ưu tiên đầu tư xây dựng:

Đề xuất các hạng mục công trình cần đầu tư xây dựng trong khu vực quy hoạch và nguồn lực để thực hiện:

.....

9. Lấy ý kiến về đồ án quy hoạch:

Báo cáo kết quả lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có liên quan về đồ án quy hoạch (các ý kiến đóng góp phải được tổng hợp đầy đủ, có giải trình, tiếp thu, làm rõ):

.....

10. Kiến nghị, đề xuất (nếu có):

.....

(Cơ quan trình) kính trình (Cơ quan thẩm định) xem xét thẩm định và trình (Cơ quan phê duyệt) phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng.....
./.

Nơi nhận:

-
-

CƠ QUAN TRÌNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu).

PHỤ LỤC III: THẨM DUYỆT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND.HC ngày / /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

1. Về thành phần hồ sơ:

01 (một) bộ gồm có:

- Đối với thiết kế cơ sở dự án, công trình:

+ Văn bản đề nghị xem xét, cho ý kiến về giải pháp phòng cháy và chữa cháy của Chủ đầu tư (*Mẫu số PC06 ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), trường hợp chủ đầu tư ủy quyền cho đơn vị khác thì phải có văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật;

+ Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công;

+ Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng (*nếu có*) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*nếu có*) hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc văn bản chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp đối với dự án, công trình sử dụng vốn khác;

+ Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy của đơn vị tư vấn thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;

+ Bản vẽ và bản thuyết minh thiết kế cơ sở thể hiện những nội dung yêu cầu về giải pháp phòng cháy và chữa cháy như sau: Địa điểm xây dựng công trình phải đảm bảo khoảng cách an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với các công trình xung quanh; Bậc chịu lửa của công trình phải phù hợp với quy mô, tính chất hoạt động công trình; có giải pháp đảm bảo ngăn cháy và chống cháy lan giữa các hạng mục công trình và giữa công trình này với công trình khác; Công nghệ sản xuất, hệ thống điện, chống sét, chống tĩnh điện, chống nổ của công trình và việc bố trí hệ thống kỹ thuật, thiết bị, vật tư phải đảm bảo các yêu cầu an toàn phòng cháy chữa cháy; Lối, đường thoát nạn, thiết bị chiếu sáng, chỉ dẫn thoát nạn, báo tín hiệu, thông gió, chống tụ khói; phương tiện cứu người phải đảm bảo cho việc thoát nạn nhanh chóng, an toàn; Hệ thống giao thông, bãi đỗ phục vụ cho phương tiện chữa cháy cơ giới hoạt động phải đảm bảo kích thước và tải trọng; hệ thống cấp nước chữa cháy phải đảm bảo yêu cầu phục vụ chữa cháy; Hệ thống báo cháy, chữa cháy và phương tiện chữa cháy khác phải đảm bảo số lượng; vị trí lắp đặt và thông số kỹ thuật phù hợp với đặc điểm và tính chất hoạt động của công trình.

- Đối với thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công (*lần đầu*) dự án, công trình:

+ Văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của Chủ đầu tư (*Mẫu số PC06 ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), trường hợp chủ đầu tư ủy quyền cho đơn vị khác thì phải có văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật;

+ Văn bản góp ý thiết kế cơ sở về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy (*nếu có*);

+ Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng (*nếu có*) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*nếu có*) hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc văn bản chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp đối với dự án, công trình sử dụng vốn khác;

+ Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy của đơn vị tư vấn thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;

+ Dự toán xây dựng dự án, công trình;

+ Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng (*nếu có*).

+ Bản vẽ và bản thuyết minh thiết kế thi công thể hiện những nội dung yêu cầu về giải pháp phòng cháy và chữa cháy như sau: Địa điểm xây dựng công trình phải đảm bảo khoảng cách an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với các công trình xung quanh; Bậc chịu lửa của công trình phải phù hợp với quy mô, tính chất hoạt động công trình; có giải pháp đảm bảo ngăn cháy và chống cháy lan giữa các hạng mục công trình và giữa công trình này với công trình khác; Công nghệ sản xuất, hệ thống điện, chống sét, chống tĩnh điện, chống nổ của công trình và việc bố trí hệ thống kỹ thuật, thiết bị, vật tư phải đảm bảo các yêu cầu an toàn phòng cháy chữa cháy; Lối, đường thoát nạn, thiết bị chiếu sáng, chỉ dẫn thoát nạn, báo tín hiệu, thông gió, chống tụ khói; phương tiện cứu người phải đảm bảo cho việc thoát nạn nhanh chóng, an toàn; Hệ thống giao thông, bãi đỗ phục vụ cho phương tiện chữa cháy cơ giới hoạt động phải đảm bảo kích thước và tải trọng; hệ thống cấp nước chữa cháy phải đảm bảo yêu cầu phục vụ chữa cháy; Hệ thống báo cháy, chữa cháy và phương tiện chữa cháy khác phải đảm bảo số lượng; vị trí lắp đặt và thông số kỹ thuật phù hợp với đặc điểm và tính chất hoạt động của công trình.

- Đối với cải tạo, điều chỉnh thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công dự án, công trình:

+ Văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của Chủ đầu tư (*Mẫu số PC06 ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP*), trường hợp chủ đầu tư ủy quyền cho đơn vị khác thì phải có văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật;

+ Văn bản góp ý thiết kế cơ sở về phòng cháy và chữa cháy của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy (*nếu có*);

+ Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công; văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng (*nếu có*) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (*nếu có*) hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

hoặc văn bản chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp đối với dự án, công trình sử dụng vốn khác;

+ Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ phòng cháy và chữa cháy của đơn vị tư vấn thiết kế về phòng cháy và chữa cháy;

+ Dự toán xây dựng dự án, công trình;

+ Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng (nếu có).

+ Bản vẽ và bản thuyết minh thiết kế thi công thể hiện những nội dung yêu cầu về giải pháp phòng cháy và chữa cháy như sau: Địa điểm xây dựng công trình phải đảm bảo khoảng cách an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với các công trình xung quanh; Bạc chịu lửa của công trình phải phù hợp với quy mô, tính chất hoạt động công trình; Có giải pháp đảm bảo ngăn cháy và chống cháy lan giữa các hạng mục công trình và giữa công trình này với công trình khác; Công nghệ sản xuất, hệ thống điện, chống sét, chống tĩnh điện, chống nổ của công trình và việc bố trí hệ thống kỹ thuật, thiết bị, vật tư phải đảm bảo các yêu cầu an toàn phòng cháy chữa cháy; Lối, đường thoát nạn, thiết bị chiếu sáng, chỉ dẫn thoát nạn, báo tín hiệu, thông gió, chống tụ khói; phương tiện cứu người phải đảm bảo cho việc thoát nạn nhanh chóng, an toàn; Hệ thống giao thông, bãi đỗ phục vụ cho phương tiện chữa cháy cơ giới hoạt động phải đảm bảo kích thước và tải trọng; hệ thống cấp nước chữa cháy phải đảm bảo yêu cầu phục vụ chữa cháy; Hệ thống báo cháy, chữa cháy và phương tiện chữa cháy khác phải đảm bảo số lượng; vị trí lắp đặt và thông số kỹ thuật phù hợp với đặc điểm và tính chất hoạt động của công trình.

+ Bản sao giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế, văn bản thẩm duyệt thiết kế, hồ sơ thiết kế đã được đóng dấu thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy trước đó.

- Đối với đồ án quy hoạch xây dựng:

+ Văn bản đề nghị xem xét, cho ý kiến về giải pháp phòng cháy và chữa cháy của cơ quan, tổ chức lập quy hoạch (Mẫu số PC06 ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/ND-CP);

+ Các tài liệu và bản vẽ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 đối với khu công nghiệp quy mô trên 20 ha, tỷ lệ 1/500 đối với các trường hợp còn lại thể hiện những nội dung yêu cầu về giải pháp phòng cháy và chữa cháy như sau: (1)Địa điểm xây dựng công trình, cụm công trình, bố trí các khu đất, các lô nhà phải bảo đảm chống cháy lan, giảm đến tối thiểu tác hại của nhiệt, khói bụi, khí độc do đám cháy sinh ra đối với các khu vực dân cư và công trình xung quanh; (2)Hệ thống giao thông, khoảng trống phải đủ kích thước và tải trọng bảo đảm cho phương tiện chữa cháy cơ giới triển khai các hoạt động chữa cháy; (3)Phải có nguồn nước chữa cháy; hệ thống thông tin liên lạc, cung cấp điện đảm bảo phục vụ các hoạt động chữa cháy, thông tin báo cháy; (4)Bố trí địa điểm xây dựng doanh trại cho đơn vị Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy phải theo quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch xây dựng.

- Đối với chấp thuận địa điểm công trình:

+ Văn bản đề nghị chấp thuận địa điểm xây dựng về phòng cháy và chữa cháy của Chủ đầu tư (Mẫu số PC06 ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/ND-CP); trường hợp chủ đầu tư ủy quyền cho đơn vị khác thì phải có văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật;

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc văn bản chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp đối với dự án, công trình;

+ Bản vẽ, tài liệu thể hiện rõ hiện trạng địa hình của khu đất có liên quan đến phòng cháy và chữa cháy như bậc chịu lửa của công trình, khoảng cách từ công trình dự kiến xây dựng đến các công trình xung quanh, hướng gió, cao độ công trình.

PHỤ LỤC IV: MẪU BÁO CÁO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND.HC ngày / /2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)*

Mẫu A.III.1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ QUÝ...

*(Quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 72 Luật Đầu tư và khoản 1, khoản 2, Điều 102
Nghị định 31/2021/NĐ-CP)*

*(Tổ chức kinh tế có nhiều dự án thì mỗi dự án báo cáo 1 biểu riêng. Thời hạn báo
cáo: trước ngày 10 tháng đầu của quý sau quý báo cáo. Báo cáo chỉ thực hiện trên
Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư)*

**TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC
HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

Nơi Cơ quan đăng ký đầu tư;
nhận: Cơ quan thống kê tại địa phương.

Phần A: Thông tin chung về dự án đầu tư

Tên dự án / Tên Hợp đồng BCC			
Mã số dự án/ Số GCNĐT		Ngày cấp:	
Cơ quan cấp GCNĐKĐT:			
Địa điểm dự án:			
Tổng vốn đầu tư đăng ký			
Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án:			
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế		Ngày cấp lần đầu:	
Cơ quan cấp Đăng ký kinh doanh			

Địa chỉ:			
Số điện thoại:		Email:	

Phần B: Tình hình thực hiện dự án đầu tư

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu thực hiện Quý báo cáo	Số liệu cộng dồn từ đầu năm đến cuối Quý báo cáo	Số liệu cộng dồn từ khi được cấp GCNĐKĐT đến cuối Quý báo cáo
I. Vốn đầu tư thực hiện ($I = 1 + 2 + 3$)	USD			
1. Vốn góp (liệt kê theo từng nhà đầu tư)	USD			
1.1. Nhà đầu tư Việt Nam				
Tên nhà đầu tư thứ nhất	USD			
Mã số thuế nhà đầu tư thứ nhất				
<i>Chia ra:</i>		X		
- Bằng tiền	USD			
- Máy móc, thiết bị	USD			
- Tài sản khác	USD			
Tên nhà đầu tư tiếp theo	USD			
Mã số thuế nhà đầu tư				

tiếp theo				
.....	USD			
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	USD			
Tên nhà đầu tư thứ nhất	USD			
Mã số thuế/số Quyết định thành lập/số hộ chiếu của nhà đầu tư thứ nhất				
<i>Chia ra:</i>		X		
- Bằng tiền	USD			
- Máy móc, thiết bị	USD			
- Tài sản khác	USD			
Tên nhà đầu tư tiếp theo				
Mã số thuế/số Quyết định thành lập/số hộ chiếu của nhà đầu tư tiếp theo				
.....				
2. Vốn vay	USD			
Vay trong nước	USD			
Vay từ công ty mẹ ở nước ngoài	USD			
Vay nước ngoài khác	USD			
3. Lợi nhuận tái đầu tư	USD			

II. Doanh thu thuần	USD			X
III. Giá trị hàng xuất khẩu	USD			
IV. Giá trị hàng nhập khẩu	USD			
V. Số lao động hiện có đến thời điểm báo	Người			
1. Lao động Việt Nam	Người		X	
2. Lao động nước ngoài	Người			
VI. Thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước	USD			
VII. Diện tích đất, mặt nước đã sử dụng (nếu có)	m ²			

Phần C: Cập nhật khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án (nếu có)

(Nêu cụ thể khó khăn, vướng mắc, kiến nghị và hướng giải quyết)

Ghi chú:

- *Vốn vay = tổng vay trong kỳ trừ số trả nợ trong kỳ (bao gồm cả vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn)*
- *Đối với các dự án của nhà đầu tư trong nước, dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư bằng Việt Nam đồng thì đơn vị báo cáo là "Triệu VNĐ"*
- *Không báo cáo vào các ô đánh dấu "X"*

....., ngày ... tháng ... năm ...

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án (người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu nếu có)

Mẫu A.III.2**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ NĂM...**

(Quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 72 Luật Đầu tư và khoản 1, khoản 3, Điều 102 Nghị định 31/2021/NĐ-CP)

(Tổ chức kinh tế có nhiều dự án thì mỗi dự án báo cáo 1 biểu riêng. Thời hạn báo cáo: trước ngày 31 tháng 3 năm sau năm báo cáo. Báo cáo chỉ thực hiện trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư)

**TỔ CHỨC KINH TẾ THỰC HIỆN DỰ ÁN
ĐẦU TƯ**

Nơi nhận: Cơ quan đăng ký
đầu tư;
Cơ quan thống kê
tại địa phương.

Phần A: Thông tin chung về dự án đầu tư

Tên dự án / Tên Hợp đồng BCC		
Mã số dự án/ Số GCNĐT		Ngày cấp:
Cơ quan cấp GCNĐKĐT:		
Địa điểm dự án:		
Tổng vốn đầu tư đăng ký		
Tên tổ chức kinh tế thực hiện dự án:		
Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế		Ngày cấp lần đầu:
Cơ quan cấp Đăng ký kinh doanh		
Địa chỉ:		
Số điện thoại:		Email:

Phần B: Tình hình thực hiện dự án đầu tư

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số liệu thực hiện năm báo cáo	Số liệu cộng dồn từ khi được cấp phép đến cuối năm báo cáo
I. Vốn đầu tư thực hiện ($I = 1 + 2 + 3$)	USD		
1. Vốn góp (liệt kê theo từng nhà đầu tư)	USD		
1.1. Nhà đầu tư Việt Nam			
Tên nhà đầu tư thứ nhất	USD		
Mã số thuế nhà đầu tư thứ nhất			
<i>Chia ra:</i>			
- Bằng tiền	USD		
- Máy móc, thiết bị	USD		
- Tài sản khác	USD		
Tên nhà đầu tư tiếp theo	USD		
Mã số thuế nhà đầu tư tiếp theo			
.....	USD		
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	USD		
Tên nhà đầu tư thứ nhất	USD		
Mã số thuế/số Quyết định thành lập/số hộ chiếu của nhà đầu tư thứ nhất			
<i>Chia ra:</i>			
- Bằng tiền	USD		
- Máy móc, thiết bị	USD		
- Tài sản khác	USD		
Tên nhà đầu tư tiếp theo			

Mã số thuế/số Quyết định thành lập/số hộ chiếu của nhà đầu tư tiếp theo			
.....			
2. Vốn vay	USD		
Vay trong nước	USD		
Vay từ công ty mẹ ở nước ngoài	USD		
Vay nước ngoài khác	USD		
3. Lợi nhuận tái đầu tư	USD		
II. Doanh thu thuần	USD		X
III. Giá trị hàng xuất khẩu	USD		
IV. Giá trị hàng nhập khẩu	USD		
V. Số lao động hiện có đến thời điểm báo	người		
1. Lao động Việt Nam,	người		
2. Lao động nước ngoài	người		
VI. Thu nhập bình quân của người lao động 1 tháng	Triệu VNĐ		
VII. Thuế và các khoản nộp ngân sách Nhà nước	USD		
VIII. Lợi nhuận sau thuế	USD		

IX. Chi phí đầu tư, nghiên cứu và phát triển	USD		
X. Chi phí đầu tư xử lý và bảo vệ môi trường	USD		
XI. Nguồn gốc công nghệ sử dụng (<i>quốc gia xuất xứ của máy móc, thiết bị chính được sử dụng</i>).			

Phần C: Cập nhật khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án (nếu có)

(*Nêu cụ thể khó khăn, vướng mắc, kiến nghị và hướng giải quyết*)

Ghi chú:

- *Vốn vay = tổng vay trong kỳ trừ số trả nợ trong kỳ (bao gồm cả vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn)*
- *Đối với các dự án của nhà đầu tư trong nước, dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư bằng Việt Nam đồng thì đơn vị báo cáo là "Triệu VND"*
- *Không báo cáo vào các ô đánh dấu "X"*

....., ngày ... tháng ... năm ...

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án (*người đại diện theo pháp luật của tổ chức kinh tế, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu nếu có*)